

Số: 18052020/TCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng
- Mã chứng khoán: TCL
- Địa chỉ trụ sở chính: 470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 02837423207
- Fax: 02837423206
- Người thực hiện công bố thông tin: Đào Tuấn Anh (SĐT: 0903821334)

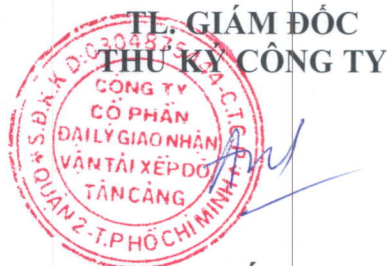
Chức vụ: Phó phòng Đầu tư pháp chế - Thư ký công ty

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*): Thông báo về việc cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại địa chỉ <http://www.tancanglogistics.com>. (Nội dung cập nhật bao gồm: Bổ sung thêm mẫu giấy đề nghị xác nhận sở hữu cổ phần liên tục ít nhất 6 tháng; mẫu giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần; Sửa đổi Tờ trình về việc miễn nhiệm TV. HĐQT đối với Ông Ngô Minh Thuận và bầu TV. HĐQT thay thế; Sửa đổi Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT; Sửa đổi Dự thảo Điều lệ và tờ trình Sửa đổi Điều lệ; Sửa đổi dự thảo Nghị quyết Đại hội ...).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/5/2020 tại đường dẫn <http://www.tancanglogistics.com>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./



Đào Tuấn Anh



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Thời gian: 8^h00 –11^h30 Thứ Sáu ngày 22/5/2020

Địa điểm: Hội trường Cảng Cát Lái

STT	NỘI DUNG	TỪ	ĐẾN
I	KHAI MẠC ĐẠI HỘI		
1	Tiếp đón đại biểu, khách mời và đăng ký đại biểu.	8:00	8:30
2	Chào cờ, Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khai mạc Đại hội.	8:30	8:35
3	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu và tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.	8:35	8:40
4	Giới thiệu và thông qua: Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu.	8:40	8:45
5	Thông qua Quy chế làm việc, chương trình và thời gian Đại hội.	8:45	8:50
II	NỘI DUNG ĐẠI HỘI		
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019; KHSXKD năm 2020. Báo cáo kết quả đầu tư năm 2019; Kế hoạch đầu tư năm 2020; kế hoạch đầu tư, phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025	8:50	9:15
2	Báo cáo tài chính năm 2019 riêng và hợp nhất đã được kiểm toán.	9:15	9:20
3	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.	9:20	9:30
4	Các tờ trình tại Đại hội: - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020. - Tờ trình về việc trả tiền cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2019. - Tờ trình về kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020. - Tờ trình về chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019; kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020. - Tờ trình chấp thuận phương án trả lương 2020. - Tờ trình chấp thuận phương án điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (Quý 4/2016 và năm 2017); - Tờ trình chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn. - Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ công ty - Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ công ty - Tờ trình về việc miễn nhiệm TV.HĐQT và bầu TV.HĐQT thay thế.	9:30	9:55
5	Đại hội thảo luận.	9:55	10:30
6	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo.	10:30	10:45
7	Nghỉ giải lao.	10:45	10:55
8	Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo.	10:55	11:00
9	Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (Thông qua quy chế bầu cử, danh sách ứng viên).	11:00	11:10
10	Công bố kết quả bầu cử.	11:10	11:15
III	BẾ MẠC ĐẠI HỘI		
1	Thông qua Biên bản, nghị quyết Đại hội.	11:15	11:25
2	Bế mạc Đại hội.	11:25	11:30



**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVТ XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng;

Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng năm 2020 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày **25/3/2020** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng.

2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền (sau đây gọi tắt là Đại biểu) khi tham dự Đại hội đề nghị ăn mặc nghiêm túc, lịch sự, có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội, Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội; Không hút thuốc trong hội trường; Không nói chuyện to để ảnh hưởng đến đại hội; để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy.

4. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tịch đoàn cho phép.

Điều 2. Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Thư ký Đại hội

1. Thư ký của Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử. Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Thư ký:

- a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- b. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
- c. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- d. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Đoàn Chủ tịch đề cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp.
- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp

lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
 - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:
 - Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
 - Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.
 - Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:
 - + Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng

đề thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại đại hội; Thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản đại hội, Nghị quyết đại hội.

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình khác tại Đại hội;

2. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Cổ đông chú ý ký tên vào Phiếu biểu quyết.

- Cổ đông hoặc người được đại diện theo ủy quyền thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết trong hơn một lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ vấn đề đó. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến.

3. Thẻ lệ biểu quyết: Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) Thẻ biểu quyết và 01 (một) Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (**ngày 25/3/2020**) tổng số cổ phần của công ty là **30,158,436** cổ phần tương đương với **30,158,436** quyền biểu quyết.

- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. (Khoản 3, Điều 21 Điều lệ công ty).

- Các nghị quyết khác được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết: Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi

nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 9. Thi hành Quy chế: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự, khách mời họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

PHẦN 1: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2019, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 13 cuộc họp, duy trì họp thường kỳ mỗi quý một lần, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của công ty.

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban, tuy nhiên HĐQT đã phân công ông Nguyễn Xuân Bình - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách, giám sát về tiền lương, thưởng, thu nhập, nhân sự của công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2019:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 98/NQ-HĐQT	25/01/2019	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua kết quả SXKD quý 4 và cả năm 2018.- Thông qua kế hoạch SXKD quý 1 năm 2019.- Thông qua kết quả đầu tư quý 4 và cả năm 2018.- Thông qua kế hoạch đầu tư quý 1 năm 2019.- Thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với các công ty mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc của công ty đã và đang là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐTV/HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc của các công ty đó trong thời gian ba (03) năm trở lại đây.- Thông qua báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2018.- Thông qua việc miễn nhiệm Phó Giám đốc công ty đối với ông Vũ Mạnh Lân và bổ nhiệm ông Phạm Văn Hùng làm Phó Giám đốc công ty.- Thông qua việc điều chỉnh phân công Ông Lê Văn Cường, Phó Giám đốc công ty là người đại diện phần vốn của công ty tại công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai (thay thế ông Vũ Mạnh Lân).
2	Số: 151/NQ-HĐQT	06/02/2019	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018, với tỷ lệ 18% trên vốn điều lệ.- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

3	Số: 237/NQ-HĐQT	18/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 1 năm 2019. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 2 năm 2019. - Thông qua kết quả đầu tư quý 1 năm 2019. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 2 năm 2019. - Thông qua việc sửa chữa, di dời bến sà lan 700 T tại TCNT với tổng mức đầu tư dự kiến 1,4 tỷ đồng. - Thông qua phân công tham gia Đoàn chủ tịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
4	Số: 315/NQ-HĐQT	24/5/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc nạo vét duy tu bến 125, khối lượng dự kiến 27.500 m³, kinh phí khoảng: 9,75 tỷ đồng; - Thông qua việc nạo vét duy tu cảng cạn Tân Cảng Nhơn Trạch, khối lượng dự kiến 9.200 m³, kinh phí khoảng: 4 tỷ đồng. - Thông qua việc đầu tư xây 3 kho, (Khu 15 ha ICD TCNT) mỗi kho diện tích: 6.750 m² và đường bãi quanh kho, cùng hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thoát nước ra sông. Tổng số tiền đầu tư dự kiến: 103 tỷ đồng (Đã bao gồm VAT). - Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội là đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
5	Số: 336/NQ-HĐQT	20/6/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc đầu tư dàn PTI tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy với chi phí dự kiến: 3,65 tỷ đồng. - Thông qua việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án di dời kho xăng dầu vùng 2 từ 83,094 tỷ đồng lên 96,984 tỷ đồng.
6	Số: 378/NQ-HĐQT	16/7/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 2 và 6 tháng đầu năm 2019. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 3 năm 2019. - Thông qua kết quả đầu tư quý 2 và 6 tháng đầu năm 2019. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 3 năm 2019. - Thông qua sửa đổi quy chế quản lý đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản, hàng hoá, sửa chữa công trình và sửa chữa trang thiết bị. - Thông qua báo cáo tình hình QTCT 6 tháng đầu năm 2019.
7	Số: 450/NQ-HĐQT	10/9/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả 2% cổ tức còn lại năm 2018.
8	Số: 463 /NQ-HĐQT	16/9/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương cho Cty TCL đầu tư 02 cầu mới; kinh phí dự kiến 16,5 tỷ đồng/cầu (chưa thuế VAT).
9	Số: 534 /NQ-HĐQT	09/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng đầu năm 2019. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 4 năm 2019. - Thông qua kết quả đầu tư quý 3 và 9 tháng đầu năm 2019. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 4 năm 2019.

			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương giải thể Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép và thoái vốn tại Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ Hạ Tầng Á Châu. - Thông qua chủ trương thuê đơn vị tư vấn nghiên cứu đầu tư tại dự án xây dựng cụm cảng trung chuyển ICD mới tại phường Long Bình, quận 9, TP. HCM.
10	Số: 592/NQ-HĐQT	06/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án tái cơ cấu Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai: Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng (trong đó Cty TCL góp thêm 17,44 tỷ đồng, tăng tỷ lệ vốn góp của TCL từ 20% lên 51%).
11	Số: 626/NQ-HĐQT	22/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2019
12	Số: 635/NQ-HĐQT	29/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán trưởng công ty đối với Bà Phạm Thị Hồng Thắm và bổ nhiệm bà Phạm Thị Thu Hà, giữ chức Trưởng phòng tài chính – Kế toán trưởng công ty.
13	Số: 671/NQ-HĐQT	17/12/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ phiếu thưởng

(đính kèm báo cáo tình hình quản trị công ty)

Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế sản xuất của công ty để đề ra Nghị quyết thực hiện. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý. Qua các cuộc họp HĐQT, Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của công ty hàng quý, báo cáo hiệu quả hoạt động của từng loại hình dịch vụ. Hội đồng quản trị thảo luận và lấy ý kiến của từng thành viên để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

HĐQT luôn theo dõi sát mọi hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban điều hành, cụ thể một số công việc chính:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Chỉ đạo Ban điều hành quyết liệt trong công tác quản trị chi phí, các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ, công tác thị trường, khách hàng, công tác đầu tư, công tác nhân sự tiền lương, thưởng đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

- Chỉ đạo và giao người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng hiệu quả sử dụng vốn của công ty tại các công ty liên kết.

Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	HDQT, BGD, BKS				
		Chức danh	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng
A	Hội đồng quản trị					
1	Ngô Minh Thuận	CT HDQT	-	96.00	85.11	181.11
2	Nguyễn Văn Uẩn	PCT Kiêm Giám đốc	1,088.88	78.00	85.11	1,251.98
3	Đỗ Thanh Trường	TV HDQT	-	15.00	54.71	69.71
4	Lê Văn Cường	TV HDQT P. Giám đốc	386.19	45.00	54.71	485.90
5	Võ Đắc Thiệu	TV HDQT	-	60.00	54.71	114.71
6	Nguyễn Xuân Bình	TV HDQT	-	60.00	54.71	114.71
B	Ban Giám đốc					
1	Lê Đặng Quỳnh Nghi	Phó Giám đốc	887.31	-	54.71	942.02
2	Vũ Mạnh Lân	Phó Giám đốc	311.55	-	54.71	366.27
3	Phạm Văn Hùng	Phó Giám đốc	512.67	-	-	512.67
4	Đoàn Hải Tuấn	Phó Giám đốc	62.00	-	-	62.00
5	Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	707.01	-	54.71	761.72
C	Ban Kiểm soát					
1	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	-	60.00	54.71	114.71
2	Nguyễn Thị Nhu	TVBKS (TP. TCLĐTL)	567.27	30.00	36.47	633.75
3	Phạm Kim Oanh	TV BKS	-	30.00	36.47	66.47
D	TP. TCKT – Kế toán trưởng					
1	Phạm Thị Hồng Thắm	TP. TCKT – KTT	554.86	22.00	36.47	613.33
2	Phạm Thị Thu Hà	TP. TCKT – KTT	27.00	-	-	27.00
	TỔNG CỘNG		5,104.74	496.00	717.34	6,318.07

PHẦN 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

A. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

1. Thuận lợi:

– Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc và sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng, các đơn vị của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

– Ban TGD chỉ đạo sát sao, kịp thời công tác thị trường khách hàng, hỗ trợ kết nối ICD TCNT với SNPL nhằm tăng sản lượng thông qua ICD TCNT; CLDV ngày càng được cải thiện cụ thể đối với khách hàng Texhong sau khi giao TCL, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ KPI tăng từ 95%, 96% lên 99%, 100% nên sản lượng hàng hóa của các khách hàng lớn như Formosa, Texhong, Caesar ngày càng tăng. Khách hàng Cearsar 100% sản lượng đã đi bằng sà lan với chất lượng đảm bảo, bắt đầu từ 01/11 Caesar đã triển khai tiếp hàng Nhập thông qua ICD là đầu mối làm trực tiếp, dự kiến sản lượng khoảng 80cont/tháng.

- Sản lượng thông qua Cảng Cát Lát năm 2019 đạt 5,2 triệu teus, tăng 11% so với cùng kỳ, là cơ sở để các hệ thống phụ trợ như Depot, ICD phát triển.
- TCL đưa vào khai thác Depot TCMT 2 diện tích 2.5 ha giúp tăng khả năng tiếp nhận container từ hãng tàu, chủ động công tác M&R tại Depot TCMT 2 cũng giúp cải thiện CLDV, luân chuyển rỗng 1 cách nhanh nhất.
- Việc điều chỉnh tăng giá tại các khu vực như đóng rút bến 125, Khu bãi hàng IMO, đóng hàng lạnh đã góp phần đảm bảo doanh thu của công ty đạt kế hoạch đã xây dựng. Cụ thể, từ ngày 01/7/2019 tăng 20% đơn giá đóng hàng lạnh bù đắp chi phí đầu tư nâng cấp khu vực đóng hàng lạnh và điều chỉnh tăng đơn giá nâng hạ container rỗng tại Depot Mỹ Thủy khoảng 5% phù hợp với mức giá chung của các depot lân cận khu vực Cảng Cát Lái; khu IMDG điều chỉnh tăng đơn giá cấp hạ khách hàng từ 150% so với container thường tăng thành 200% so với container hàng thông thường.
- TCL đẩy mạnh công tác tiếp thị, tiếp cận thêm 1 số hãng tàu như Yang Ming, RCL, CMA để đưa về khai thác tại Depot TCMT và ICD TCNT.

2. Khó khăn

- Hàng chuyển cảng đích Cái Mép được quy hoạch về bãi của GNL, khiến tình hình khai thác bến sà lan 125 sụt giảm ở dịch vụ xếp dỡ sà lan. Ngoài ra thị trường đóng gạo 6 tháng cuối năm cũng có sự sụt giảm, đặc biệt là các khách hàng lớn của TCL như Tân Thạnh An, Intimex (đóng gạo tại khu vực ICD Nhơn Trạch) do thị trường Trung Quốc giảm nhập khẩu gạo. Hàng đóng gạo tại bến 125 mà xuất tàu tại khu vực Cái Mép nay cũng chuyển hết qua bến Giang Nam đóng.
- Tình hình thời tiết 6 tháng cuối năm không thuận lợi, mưa nhiều, giao thông trong và ngoài cảng còn tắc nghẽn ảnh hưởng tới sản lượng luân chuyển và chậm tiến độ M&R cấp cho khách hàng.
- Thị trường gạo Quý 4 năm 2019 ảm đạm khi Trung Quốc giảm nhập khẩu gạo từ các nước như Việt Nam, Indonesia, Thái Lan. Nên sản lượng đóng gạo tại Bến 125 và ICD TCNT giảm so với cùng kỳ. Cụ thể sản lượng đóng gạo năm 2019 tại Bến 125 đạt 39,434 teus, giảm 7,8% so với năm 2018. Tại ICD TCNT sản lượng đóng gạo giảm mạnh khi năm 2019 chỉ đạt gần 9.000 teus, giảm 36% so với năm 2018.
- Giang Nam đang thu đơn giá cấp đóng hàng hoặc trả rỗng bằng giá nâng hạ khách hàng đối với các đơn vị trong hệ thống 290.000/450.000 làm tăng chi phí của công ty. Cụ thể là dịch vụ lấy rỗng đóng gạo và dịch vụ vận chuyển trả rỗng ICD TCNT – Cát Lái (hiện nay Cát Lái giảm tối thiểu việc tiếp nhận rỗng nên rỗng trả về từ khách hàng ICD NT chủ yếu đưa về bến Giang Nam, làm phát sinh chi phí).

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2019.

1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2019 (một số chỉ tiêu chính):

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	% So với KH năm	% so với Cùng kỳ
SL xếp dỡ container tại bãi	Teus	3,630,000	3,634,200	100.1%	95.7%
SL xếp dỡ bến sà lan 125	Teus	217,500	212,625	97.8%	84.2%
SL dịch vụ thông qua depot	Teus	1,464,900	1,535,563	104.8%	118.5%
SL dịch vụ đóng/rút hàng	Teus	43,000	46,913	109.1%	98.0%
SL dịch vụ tại cảng TCNT	Teus	224,000	206,775	92.31%	134.52%
SL dịch vụ kho tại cảng TCNT	Tấn	110,000	96,050	87.32%	114.56%
SL Hàng rời bến sà lan TCNT	Tấn	95,000	104,897	110.42%	126.57%

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	972,080,599,000	982,959,954,043	101.12%
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	944,860,000,000	951,561,091,369	100.71%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	27,120,599,000	30,470,134,054	112.35%
4. Thu nhập khác	100,000,000	928,728,620	928.73%
II. Tổng chi phí	849,996,381,132	859,673,475,936	101.14%
1. Giá vốn hàng bán	787,762,431,982	796,991,485,184	101.17%
2. Chi phí tài chính	4,063,100,000	2,461,180,300	60.57%
3. Chi phí bán hàng	8,600,000,000	9,574,042,195	111.33%
4. Chi phí quản lý	49,520,849,150	50,524,831,731	102.03%
5. Chi phí khác	50,000,000	121,936,526	243.87%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	122,084,217,868	123,286,478,107	100.98%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	20,850,723,774	21,707,340,386	104.11%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	101,233,494,094	101,579,137,721	100.34%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3,615	2,770	76.63%
VI. Nộp ngân sách NN (Các loại thuế, phí)	45,363,723,774	52,669,661,716	116.11%

C. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

- Tổng doanh thu, thu nhập thuần đạt **982.96** tỷ đồng, bằng **101.12%** kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt **123.29** tỷ đồng, bằng **100.98%** kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt **101.58** tỷ đồng, bằng **100.34%** kế hoạch năm.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) thực hiện năm 2019 đạt 2,770 đồng/CP, tương ứng đạt 76.63 % kế hoạch năm 2019 (Do cuối năm 2019 công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 44%).

Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị đề ra và đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 nhất trí thông qua.

PHẦN 3: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

- CLDV tại depot TCMT, bến đóng rút 125 và ICD TC Nhơn Trạch được khách hàng, hãng tàu đánh giá cao; Dàn PTI đầu tư và hệ thống bãi nâng cấp kịp thời đảm bảo tiến độ M&R, PTI cho HT.
- ICD TCNT tiếp tục nhận được sự tin tưởng từ khách hàng, hãng tàu và sự hỗ trợ từ TCT TCSG, đặc biệt là SNPL trong công tác phối hợp, điều hành và thị trường. Dự án đầu tư 2 kho mới đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ để sớm xây dựng đưa vào hoạt động, phục vụ nhu cầu của khách hàng trong khu vực.
- Sau thời gian marketing và giới thiệu dịch vụ, công ty đã đưa về khai thác được thêm 2 hãng tàu lớn, có sản lượng cao là Yang Ming và CMA tại các Depot của công ty, góp phần gia tăng sản lượng cho công ty trong dịch vụ khai thác Depot.

2. Khó khăn:

- Dịch COVID-19 bùng phát và được WHO tuyên bố là đại dịch toàn cầu gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình khai thác XNK chung của TCT TCSG và ảnh hưởng trực tiếp tới khách hàng của TCL là các hãng tàu.
- Dự báo trong thời gian tới, xuất khẩu gạo vẫn tiếp tục khó khăn nên sản lượng đóng gạo tại Bến 125 và ICDNT sẽ giảm sâu so với năm 2019. Ngoài ra, chỉ thị của Thủ tướng về việc đảm bảo an ninh lương thực trong mùa dịch tạm ngưng xuất khẩu gạo từ 24/03/2020 khiến cho doanh thu đóng gạo của công ty tại các khu vực Bến 125 và ICD TCNT bị ảnh hưởng và mất toàn bộ nguồn doanh thu này cho đến khi được xuất khẩu gạo trở lại.
- Tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, có chiều hướng xấu đi tại các nước Châu Âu và Mỹ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình xuất nhập khẩu trên thế giới nói chung. Hãng tàu nhập rỗng về ồ ạt khiến lượng giảm tải từ Cát Lái ra các Depot của TCL dự kiến sẽ tiếp tục tăng nhưng số lượng container cấp

đi lại thấp nên tình hình luân chuyển container dự kiến sẽ chậm. Nếu trong Quý 2 tình hình dịch có diễn biến tốt hơn, thị trường XNK sôi động trở lại thì số lượng rỗng này mới được luân chuyển nhanh.

– Dự kiến sản lượng xếp dỡ bến sà lan 125 sẽ tiếp tục giảm do toàn bộ sản lượng các dịch vụ này đi tuyến CM sẽ chuyển về xếp dỡ, đóng rút tại khu vực GNL.

– Ngoài nguyên nhân sản lượng, doanh thu xếp dỡ xe nâng tại bãi của công ty dự kiến sẽ có sự sụt giảm trong năm 2020 vì dịch COVID-19, một phần vì các thiết bị của công ty đã cũ không đảm bảo hiệu suất hoạt động, phải sửa chữa nhiều, một phần vì dự kiến các khu vực trong CCL nâng cấp, sửa chữa và xe nâng của công ty phải chia sẻ sản lượng với xe nâng các đơn vị khác.

– TCT đưa cầu khung vào hoạt động từ cuối 2017 và đầu năm 2018 cũng góp phần khiến sản lượng doanh thu xếp dỡ bãi của công ty giảm năm 2019 và 2020. Dự kiến trong tương lai TCT sẽ tiếp tục triển khai thêm các line cầu khung và sản lượng xếp dỡ công ty tiếp tục bị ảnh hưởng.

– Thị trường khai thác Depot gặp khó khăn khi các bãi quanh khu vực Cát Lái đều tăng giá từ đầu năm 2020 trước thời điểm bùng phát dịch Covid làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của công ty.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Kế hoạch sản lượng năm 2020 (một số chỉ tiêu chính):

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	Tỷ lệ (%)
SL xếp dỡ container tại bãi	Teus	3,512,614	3,595,000	102.35%
SL xếp dỡ bến sà lan 125	Teus	212,844	177,150	83.23%
SL dịch vụ thông qua depot	Teus	1,359,253	1,614,800	118.80%
SL dịch vụ đóng/rút hàng	Teus	46,964	42,300	90.07%
SL dịch vụ tại cảng TCNT	Teus	76,393	112,000	146.61%
SL dịch vụ kho tại cảng TCNT	Tấn	82,885	63,500	76.61%
SL Hàng rời bến sà lan TCNT	Tấn	96,290	80,750	83.86%

* Năm 2020 công ty điều chỉnh cách tính sản lượng một số chỉ tiêu sản lượng nhằm phản ánh chính xác hơn tình hình SXKD của công ty.

2. Kế hoạch SXKD năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	982,959,954,043	1,039,150,069,400	105.72%

1. Doanh thu bán hàng và CCDV	951,561,091,369	1,007,249,000,000	105.85%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	30,470,134,054	31,501,069,400	103.38%
4. Thu nhập khác	928,728,620	400,000,000	43.07%
II. Tổng chi phí	859,673,475,936	915,988,452,000	106.55%
1. Giá vốn hàng bán	796,991,485,184	854,683,292,000	107.24%
2. Chi phí tài chính	2,461,180,300	2,500,000,000	101.58%
3. Chi phí bán hàng	9,574,042,195	8,800,000,000	91.92%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	50,524,831,731	49,955,160,000	98.87%
5. Chi phí khác	121,936,526	50,000,000	41.00%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	123,286,478,107	123,161,617,400	99.90%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	21,707,340,386	20,732,193,600	95.51%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	101,579,137,721	102,429,423,800	100.84%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2,770	2,796	100.95%
VI. Nộp ngân sách	52,669,661,716	47,745,193,600	90.65%

PHẦN 4: KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2019; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020

I. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2019.

Triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019 ; Căn cứ vào chức năng, quyền hạn của HĐQT, BGD được quy định tại Điều lệ công ty; trong năm qua công ty đã thực hiện công tác đầu tư như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	% HTKH Năm 2019
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	172,209.97	28,544.05	16.58%
A	Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch	143,909.97	20,430.03	14.20%
1	Chi phí tư vấn (thiết kế, thẩm tra ...)	1,000.00	0	0.00%
2	Di dời kho xăng dầu vùng 2 sang vị trí mới	26,709.97	19,993.30	74.85%
3	Nâng cấp 2,5 ha bãi rỗng thành bãi hàng	32,000.00	0	0.00%
4	Đường nối cảng cảng TCNT	9,500.00	0	0.00%
5	Nhà văn phòng	4,700.00	0	0.00%
6	Cảng cảng	4,000.00	0	0.00%
7	Xây kho hàng 5.000 m ²	-	64.22	-
8	Trạm biến áp 1250 KVA	2,000.00	0	0.00%

9	Kho hàng 12.000 m ²	60,000.00	0	0.00%
10	Máy phát điện dự phòng 1000 KVA	4,000.00	0	0.00%
11	Nhà vệ sinh công nhân (Bãi KXD)	-	149.51	-
12	Kiểm toán dự án ICD Tân Cảng Nhơn Trạch	-	223.00	-
B	Khu vực Tân Cảng Mỹ Thủy	5,000.00	1,917.10	38.34%
1	Cổng ra vào	2,500.00	0	0.00%
2	Đầu tư khu đóng hàng lạnh	2,500.00	0	0.00%
3	Nhà nghỉ công nhân	-	302.22	-
4	Nhà vệ sinh công nhân	-	233.94	-
5	Container VPLV 40'	-	134.20	-
6	Container VPLV 20'	-	38.50	-
7	Lắp mới đường dây cấp nguồn PTI tại T05-TCMT	-	1,208.24	-
C	Xây trụ sở văn phòng	19,000.00	2,842.56	14.96%
D	Thiết kế, thi công NT và MS TTB văn phòng	3,500.00	2,380.65	68.02%
E	Công trình phú lợi NK Tân Cảng - Cam Ranh	800.00	973.71	121.71%
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	0.00	27,911.52	-
1	Mua máy handheld	-	1,184.33	-
2	Lắp đặt camera tại TCNT	-	191.81	-
3	Hệ thống camera IMO depot 6	-	193.22	-
4	Hệ thống chống sét ICD TCNT	-	534.23	-
5	Mua 02 cầu LB	-	25,388.92	-
6	Hệ thống Access point	-	243.35	-
7	Bản quyền phần mềm Kapersky	-	92.10	-
8	Phần mềm quản lý KT Cảng UCUS-CANG 2.0	-	83.56	-
III	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (GÓP VỐN ĐIỀU LỆ)	21,000.00	17,440.00	83.05%
1	Góp vốn vào Cty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	21,000.00	17,440.00	83.05%
	TỔNG	193,209.97	73,895.57	38.25%

Tổng số tiền đầu tư năm 2019 là 73,895.57 triệu đồng (Bảy mươi ba tỷ tám trăm chín mươi năm triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng), chỉ đạt 38.25% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do một số hạng mục đầu tư tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch chưa thực hiện được (do thủ tục hành chính phức tạp), chưa làm đường nối cổng cảng TCNT nên chưa triển khai làm nhà văn phòng và cổng

cảng; chưa nâng cấp 2,5 ha bãi rộng thành bãi hàng (do sản lượng chưa tăng nhiều, nhu cầu chưa cao); chưa xây kho hàng do thủ tục phê duyệt qua nhiều bước thủ tục. TCL là công ty con của Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn nên việc đầu tư phải xin chủ trương từ Hội đồng thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, sau đó phải được các phòng chức năng của TCT thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai.

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH NĂM 2020
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	87.721,31
A	Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch	70,476.16
1	Di dời kho xăng dầu vùng 2	19,341.16
2	Xây kho hàng kho (khu 15 ha)	51,000.00
3	Đầu tư container văn phòng 40 feet	135.00
B	Khu vực Tân Cảng Mỹ Thủy	2.060,00
1	Lắp đường dây cấp nguồn PTI tại T05-TCMT	1,800.00
2	Đầu tư container văn phòng 40 feet	260.00
C	Xây trụ sở văn phòng	12,000.00
D	Thiết kế, thi công nội thất và MS TTB VP	1,285,15
E	Thiết kế, thi công Hội trường tại tòa nhà TCL	1,900.00
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	11.821,00
1	Mua máy handheld	300.00
2	Bản quyền chương trình QL, phần mềm máy tính	300.00
3	Hệ thống camera các khu vực	300.00
4	Mua 02 cầu Liebherr	10,881.00
5	Mua máy chiếu phòng giao ban	40.00
III	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (GÓP VỐN ĐIỀU LỆ)	-41,120.00
1	Thoái vốn Cty CP ICD Tân cảng Cái Mép	-6,400.00
2	Thoái vốn Cty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	-1,600.00
3	Thoái vốn Cty CP Tân Cảng 128 Hải Phòng	-33,120.00
	TỔNG	58.422,31

Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu ba trăm mười ngàn đồng./.

PHẦN 5 : KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM (2021 – 2025)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty; Tăng trưởng bình quân tối thiểu 5%/năm; xây dựng Công ty trở thành một đơn vị vững mạnh, phát triển bền vững, có uy tín thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực; tạo lập văn hóa doanh nghiệp có bản sắc riêng; TCL sẽ trở thành công ty hàng đầu trên thị trường về khai thác kho bãi container. Quan hệ hợp tác với các đối tác có thương hiệu và uy tín quốc tế là nền tảng quan trọng đưa công ty phát triển trong giai đoạn 2021 – 2025. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác điều hành quản trị, nhằm nâng cao tính cạnh tranh cũng như nâng cao hiệu quả điều hành, quản trị doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

- Doanh thu hàng năm giai đoạn 2021 - 2025: 1.200-1.500 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 130-200 tỷ đồng;
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ: 25%-35%;
- Vốn điều lệ: 350 tỷ đồng.
- Trả cổ tức: 18%-25%/năm
- Mục tiêu đầu tư: đầu tư vào các dự án có thời gian thuê, hợp tác dài hạn, đảm bảo tính hiệu quả và phát triển bền vững cho công ty. Đầu tư các dự án thuộc năng lực lõi của doanh nghiệp như: khai thác cảng, kho bãi và các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động khai thác cảng.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Chiến lược kinh doanh (thị trường, sản phẩm và dịch vụ)

Giai đoạn 2021-2025: Tập trung vào các ngành nghề mũi nhọn gồm Dịch vụ khai thác depot (bãi chứa); khai thác cảng/ICD mở rộng quy mô thị trường, thị phần, thúc đẩy gia tăng doanh thu và đảm bảo đời sống người lao động.

Tập trung đẩy mạnh phát triển các dịch vụ cốt lõi. Xây dựng chính sách, giải pháp phát triển dịch vụ, ứng dụng sáng tạo công nghệ tiên tiến, tích hợp nhiều tính năng, gia tăng lợi ích cho khách hàng.

2. Chiến lược đầu tư

Tình hình cạnh tranh khai thác depot, dịch vụ vận tải, logistics, dịch vụ kho bãi...trong khu vực diễn ra ngày càng gay gắt, cùng với sự bất ổn tiềm tàng của nền kinh tế thế giới ảnh hưởng sâu sắc đến kinh tế Việt Nam. Nếu chiến lược đầu tư không kịp thời TCL sẽ không có khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững các ngành dịch vụ trụ cột. Do đó, TCL cần nhanh chóng nắm bắt xu thế, yêu cầu của thị trường, đầu tư kịp thời, đón đầu nhu cầu thị trường để phát triển bền vững các ngành nghề dịch vụ mũi nhọn có thế mạnh của Công ty.

* Các dự án trọng điểm của Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Dự án đầu tư khai thác Depot container khu vực lân cận Cát Lái từ 15ha đến 20ha.

- Dự án thuê cơ sở hạ tầng và khai thác kho bãi 8,8 ha tại Cát Lái
- Dự án xây dựng khai thác kho hàng tại ICD TCNT (kho số 4,5,6)
- Dự án hợp tác đầu tư, khai thác ICD diện tích khoảng 20ha tại Tp. HCM.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH	522,843	Tỷ lệ
Trong đó: VCSH cần để đầu tư	214,492	41%
Vốn vay	308,351	59%

Dự kiến Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 -2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
1	Doanh thu thuần	1,107,958	1,296,438	1,486,726	1,564,945	1,641,508
2	Lợi nhuận trước thuế	128,220	145,511	163,101	166,549	171,237
3	Lợi nhuận sau thuế	105,282	119,095	133,167	135,906	139,636
4	Thu nhập BQ của NLD (triệu đồng/tháng)	24.00	25.5	27.00	27.30	28.00

3. Chiến lược về vốn

Công ty luôn xác định vốn đóng vai trò quan trọng, là yếu tố quyết định tới sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Do vậy Công ty luôn quan tâm đến vấn đề quản lý hiệu quả vốn nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông trên các nguyên tắc quản lý tài chính, tín dụng và chấp hành đúng pháp luật Nhà nước.

Trong giai đoạn phát triển từ năm 2021 đến năm 2025, Công ty có nhiều dự án quy mô lớn và có nhu cầu sử dụng vốn dài hạn. Để quản lý và đảm bảo được vốn cho các dự án đầu tư thông suốt, Công ty có chiến lược huy động nguồn vốn từ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, đồng thời phải quản lý, điều hành, kiểm soát các hoạt động sử dụng nguồn vốn, phân bổ nguồn vốn phù hợp, hiệu quả. Xác định từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp, tiếp cận các nguồn vốn có chi phí thấp. Ngoài ra tích cực thu hồi công nợ tạo được nguồn vốn lưu động cho Công ty.

4. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực và quản trị Doanh nghiệp

Với nhân sự hơn 300 người (số liệu tháng 12/2019), Công ty có thể huy động nguồn lực đảm bảo mở rộng khai thác dịch vụ trong thời gian ngắn. Nhân sự của công ty thường xuyên được đào tạo để ứng dụng những công nghệ mới. Trong hơn 10 năm qua, đội ngũ cán bộ nòng cốt đã tích lũy kinh nghiệm thực tế qua các dự án lớn triển khai hàng năm như CMS, TOPX, TOPO. Công ty hiểu rằng công nghệ luôn luôn thay đổi, nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để Công ty làm chủ các công nghệ đó.

Công tác đào tạo, chăm lo, xây dựng môi trường làm việc và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty luôn được chú trọng và được xem là một hoạt động đầu tư

quan trọng, quyết định sự tồn tại, phát triển, mở rộng và thành công trên thị trường. Vì vậy công tác nhân sự luôn được Ban Giám đốc quan tâm sát sao và duy trì thường xuyên.

PHẦN 6 : BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2019

Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2019: (Tóm tắt một số chỉ tiêu chính)

Đơn vị tính: đồng

Tài sản ngắn hạn:	463,845,469,530
Tài sản dài hạn:	535,236,708,338
Tổng cộng tài sản:	999,082,177,868
Nợ phải trả:	272,628,052,551
Nguồn vốn chủ sở hữu:	726,454,125,317
Tổng cộng nguồn vốn:	999,082,177,868
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	951,561,091,369
2. Doanh thu hoạt động tài chính	30,470,134,054
3. Thu nhập khác	928,728,620
Giá vốn hàng bán:	796,991,485,184
Chi phí tài chính:	2,461,180,300
Chi phí bán hàng:	9,574,042,195
Chi phí quản lý:	50,524,831,731
Chi phí khác:	121,936,526
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	123,286,478,107
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	21,707,340,386
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	
Lợi nhuận sau thuế:	101,579,137,721

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019: (Tóm tắt một số chỉ tiêu chính)

Đơn vị tính: đồng

Tài sản ngắn hạn:	501,153,314,276
Tài sản dài hạn:	563,720,089,419
Tổng cộng tài sản:	1,064,873,403,695
Nợ phải trả:	288,800,716,477
Nguồn vốn chủ sở hữu:	776,072,687,218
Tổng cộng nguồn vốn:	1,064,873,403,695
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	951,561,091,369

2. Doanh thu hoạt động tài chính	17,250,134,054
3. Thu nhập khác	928,728,620
Giá vốn hàng bán:	796,991,485,184
Chi phí tài chính:	2,461,180,300
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	11,537,509,720
Chi phí bán hàng:	9,574,042,195
Chi phí quản lý:	50,524,831,731
Chi phí khác:	121,936,526
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	121,603,987,827
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	21,707,340,386
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	
Lợi nhuận sau thuế:	99,896,647,441

Trên đây là một số nét chính về KQ SXKD của công ty trong năm 2019 và phương hướng, kế hoạch năm 2020, xin báo cáo trước Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát đã được quy định tại điều lệ Công ty CP Đại Lý GNVТ Xếp Dỡ Tân Cảng và nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các hồ sơ chứng từ và báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Đại Lý GNVТ Xếp Dỡ Tân Cảng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; giám sát hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý. Ban kiểm soát công ty xin báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty CP Đại Lý GNVТ Xếp Dỡ Tân Cảng năm 2019 như sau:

Phần 1

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019

1. Giám sát tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ Công ty CP Đại Lý GNVТ Xếp Dỡ Tân Cảng trong quản trị, điều hành:

Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ công ty, cụ thể :

Đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty. Các thành viên đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ công ty của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. Công tác giám sát tập trung vào: Giám sát báo cáo tài chính, giám sát giao dịch với các bên liên quan và việc triển khai các dự án đầu tư. Kết quả giám sát cho thấy tình hình tài chính của công ty minh bạch, hiệu quả tài

chính trong năm đạt ở mức cao; việc triển khai các dự án đầu tư được thực hiện tích cực, hiệu quả, hoạt động kinh doanh ngày một mở rộng phát triển và đạt hiệu quả cao; Công ty chấp hành tốt việc kê khai và nộp Ngân sách Nhà nước; thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của UBCK nhà nước và Sở GDCK Thành phố HCM.

Giám sát việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019: Thông qua giám sát cho thấy công ty đã triển khai và hoàn thành tốt các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông như: Triển khai hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2019 với doanh thu đạt: **982.96** tỷ đạt 101.12%/KH năm, Lợi nhuận đạt **123.29** tỷ đạt 100.98%/KH 2019; sử dụng Vốn chủ sở hữu, thù lao và ngân sách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thưởng	Tổng
1	Vũ Thị Lan Anh	TBKS	60,000,000	54,712,206	114,712,206
2	Nguyễn Thị Nhu	KSV	30,000,000	36,474,804	66,474,804
3	Phạm Kim Oanh	KSV	30,000,000	36,474,804	66,474,804
	CỘNG		120,000,000	127,661,814	247,661,814

2. Thẩm định báo cáo Tài chính.

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính theo đúng quy định, thực hiện giám sát độc lập quá trình kiểm toán và kết quả kiểm toán độc lập của Công ty kiểm toán A & C về việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019. Sau thẩm định cho thấy báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của công ty tại thời điểm 31/12/2019.

3. Triển khai Công tác kiểm tra kiểm soát tại công ty.

Ban kiểm soát đã phối hợp cùng kiểm toán độc lập, tham gia cùng các đoàn kiểm tra đột xuất cũng như định kỳ của Tổng công ty để kiểm tra giám sát các nội dung theo quy định. Qua kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát đã đóng góp ý kiến cho Ban điều hành và công ty đã kiện toàn công tác quản trị, kiểm soát các rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD cũng như đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

Phần 2

Kết quả giám sát hoạt động của công ty Năm 2019

1. Giám sát hoạt động kinh doanh và Tài Chính

a). Thông qua kết quả giám sát và kiểm toán báo cáo tài chính bởi Công ty kiểm toán độc lập A&C cho thấy Công ty CP Đại lý XD và GNVN Tân Cảng đã

hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông giao với các chỉ tiêu chính như sau :

	Chỉ tiêu	Năm 2018	Thực hiện 2019
1	Vốn điều lệ	209,438,930,000	301,584,360,000
2	Tổng Tài Sản	974,773,661,231	999,082,177,868
	Trong đó		
	- Tài Sản ngắn hạn	425,719,040,827	463,845,469,530
	- Tài Sản dài hạn	549,054,620,404	535,236,708,338
3	Tổng nguồn vốn	974,773,661,231	999,082,177,868
	Trong đó		
	- Nợ phải trả	289,974,609,317	272,628,052,551
	- Nguồn vốn CSH	684,799,051,914	726,454,125,317
4	Doanh thu, thu nhập khác	917,067,681,425	982,959,954,043
5	Lợi nhuận trước thuế	120,874,269,606	123,286,478,107
6	Lợi nhuận sau thuế	99,487,339,082	101,579,137,721
7	Khả năng thanh toán		
	- Nợ phải trả/ VCSH	0.42	0.38
	- Khả năng thanh toán hiện hành	2.08	2.34
	- Khả năng thanh toán nhanh	2.07	2.32
8	Khả năng sinh lời		
	- Tỷ suất LN sau thuế/ TTS (ROA)	10.90%	10.29%
	- Tỷ suất LN sau thuế/ VCSH (ROE)	15.01%	14.40%
	- Tỷ suất LN sau thuế/ DTT (ROS)	11.21%	10.67%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,731	2,770

2. Giám sát về hoạt động đầu tư:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, trong năm 2019, công ty đã thực hiện đầu tư 73.89 tỷ đồng đạt 38.25% kế hoạch năm. Nguyên nhân là do một số hạng mục đầu tư tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch chưa thực hiện; chưa làm đường nối công cảng TCNT (do thủ tục hành chính phức tạp) nên chưa triển khai làm nhà văn phòng và công cảng; chưa nâng cấp 2,5 ha bãi rỗng thành bãi hàng (do sản lượng chưa tăng nhiều, nhu cầu chưa cao); chưa xây kho hàng do thủ tục phê duyệt qua nhiều bước thủ tục.... Về đầu tư Tài chính, trong năm 2019 công ty đã đầu tư góp vốn thêm vào Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai số tiền 17.44 tỷ đồng nâng tỷ lệ sở hữu lên 51% . Tổng số tiền đầu tư tài chính tính đến thời điểm 31/12/2019 là: 153,039,480,000 đồng.

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc và qua kiểm tra, Ban Kiểm soát nhận thấy các dự án, hạng mục đầu tư đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, Ban điều hành công ty cần nghiên cứu để đầu tư có trọng điểm phù hợp chiến lược phát triển của công ty tránh rủi ro đảm bảo công ty hoạt động bền vững và hiệu quả.

3. Hoạt động quản trị điều hành:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty trong triển khai hoạt động kinh doanh. Toàn công ty từ hội đồng quản trị, ban điều hành đến CBCNV đoàn kết nhất trí, quyết tâm triển khai và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được giao. Cụ thể:

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

HĐQT của Công ty bao gồm 05 thành viên, trong đó ông **Ngô Minh Thuận** là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Ông Lê Văn Cường PGĐ Công ty được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT thay thế cho ông Đỗ Thanh Trường. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tổ chức nhiều cuộc họp và ban hành Nghị quyết và Quyết định liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư cùng các vấn đề khác.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ tập trung vào mục tiêu thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (1) Lợi nhuận đạt **123.29** tỷ, (2) Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2018 theo KH đề ra, (3) chi trả thù tiền lương cho CB CNV và thù lao cho HĐQT, ban kiểm soát theo đúng nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông thông qua; Ban giám đốc đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Các bộ phận của công ty hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ do Ban giám đốc qui định.

b. Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm nguyên tắc tuân thủ quy định Pháp luật, quy định nội bộ công ty. Hội đồng quản trị, Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát triển khai và hoàn thành đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ.

Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã cùng tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để giám sát và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc quyền hạn. Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được ghi nhận đầy đủ và cơ bản đã được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.

Phần 3

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Trên cơ sở quy định của Pháp luật, điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát thống nhất kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2020 như sau :

1. Tổ chức chỉ đạo các chương trình thâm định báo cáo tài chính quý, năm; các quy chế quy định nội bộ nhằm kịp thời ngăn ngừa rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động của công ty.

2. Giám sát hoạt động của Hội đồng thành viên và ban điều hành theo quy định.

3. Giám sát giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Pháp luật.

Phần 4

Một số kiến nghị của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019, Ban kiểm soát kiến nghị Đại Hội đồng cổ đông như sau :

1. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Ngoài các kết quả đạt được trong năm 2019, Ban kiểm soát lưu ý một số nội dung cần tiếp tục tập trung thực hiện trong năm 2020 như : (1) Tiếp tục nghiên cứu các dự án để đầu tư mở rộng phát triển SXKD để tăng năng lực sản xuất, phát triển bền vững phù hợp với chiến lược phát triển chung của TCT cũng như tối đa hóa lợi nhuận cho công ty. (2) Tiếp tục quản trị các khoản đầu tư tài chính để hạn chế rủi ro. (3) Tiếp tục theo dõi và xem xét các khoản nợ phải thu khó đòi.

Thay mặt ban kiểm soát, tôi xin trân trọng cảm ơn quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành các các phòng chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban triển khai nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật và hoàn thành nhiệm vụ cổ đông giao.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT
- Ban kiểm soát, Ban điều hành
- Lưu Thư ký, LA06

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

Vũ Thị Lan Anh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2020 của công ty như sau.

1. Đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo yêu cầu của công ty.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập đưa vào danh sách chọn:

Với các tiêu thức lựa chọn như trên, Ban kiểm soát đề xuất 03 đơn vị kiểm toán đưa vào danh sách chọn như sau:

- 2.1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội;
- 2.2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- 2.3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

Vũ Thị Lan Anh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC TRẢ TIỀN CỔ TỨC VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019

- Căn cứ Điều lệ công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức ngày 19/04/2019;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng;
- Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện.

Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và chuẩn y kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019 như sau:

Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2019	123,286,478,107
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	21,707,340,386
Lợi nhuận sau thuế	101,579,137,721
Trích quỹ đầu tư phát triển	10,157,913,772
Trích quỹ khen thưởng	8,761,889,159
Trích quỹ phúc lợi	8,761,889,159
Trích quỹ thưởng BQL điều hành	522.000.000
Thưởng BDH hoạt động liên doanh	100,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019	73,275,445,631
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tích lũy đến 31/12/2019	367,630,243,073
Chia cổ tức 70% VĐL ⁽¹⁾	211,109,052,000
Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	156,521,191,073

Lần 1: Đã chi trả tạm ứng cổ tức 20% VĐL bằng tiền mặt ngày 29/04/2020.

Lần 2: Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 20% VĐL. Thời gian chốt danh sách cổ đông trong tháng 6/2020; thời gian chi trả cổ tức tháng 07/2020.

Lần 3: Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 30% VĐL; thời gian chốt danh sách cổ đông trong tháng 10/2020; thời gian chi trả cổ tức tháng 11/2020.

Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối: 156,521,191,073 đ (Một trăm năm mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi một triệu một trăm chín mươi một ngàn không trăm bảy ba đồng) đề nghị giữ lại để đầu tư những năm tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020

Năm 2020, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước, giảm trừ các khoản liên quan được phân phối theo tỷ lệ:

Trích quỹ đầu tư phát triển:	10%/LNST
Trích quỹ khen thưởng:	12.5%/Quỹ lương
Trích quỹ phúc lợi:	12.5%/Quỹ lương
Lợi nhuận chia cổ tức:	18%/VĐL

(Vốn điều lệ kế hoạch 31/12/2020: 301.584.360.000 đồng)

Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau bổ sung quỹ tái đầu tư.

Chi tiết phân phối như sau (ĐVT: đồng):

Tổng lợi nhuận kế hoạch năm 2020	123,161,620,000
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	20,732,190,000
Lợi nhuận sau thuế	102,429,430,000
Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10,242,943,000
Trích quỹ khen thưởng (12,5% Quỹ lương) (*)	8,787,500,000
Trích quỹ phúc lợi (12,5% Quỹ lương) (*)	8,787,500,000
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	550,000,000
Trích quỹ thưởng BĐH hoạt động liên doanh	100,000,000
Lợi nhuận chia cổ tức 18% VĐL	54,285,184,800
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19,676,302,200

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2020 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020

Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần ĐL GNVТ XD Tân Cảng;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về việc trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát.

HĐQT công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng báo cáo thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 như sau:

1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019:

Căn cứ Điều 10.1 Nghị quyết số 240/NQ-ĐHĐCĐTN2019 ngày 19/04/2019, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát như sau :

- Chủ tịch HĐQT : 8,000,000^d/người/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 6,500,000^d/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 5,000,000^d/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5,000,000^d/người/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2,500,000^d/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả trong năm 2019 là 474,000,000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng chẵn).

Trong đó thù lao chi trả cho quản lý không chuyên trách là 321,000,000đ và 153,000,000đ quỹ lương (mang tính chất thù lao) chi trả cho quản lý chuyên trách.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020

- Thù lao chi trả cho HĐQT (bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và 03 ủy viên): 354,000,000 đồng/năm.

Trong đó : Chủ tịch HĐQT: 8,000,000^d/tháng ; Phó chủ tịch HĐQT : 6,500,000^d/tháng; thành viên HĐQT: 5,000,000^d/tháng

- Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm 01 Trưởng BKS, 02 thành viên BKS): 120,000,000 đồng/năm.

Trong đó : Trưởng ban KS : 5,000,000^d/tháng; thành viên Ban kiểm soát: 2,500,000^d/tháng.

Tổng cộng: 474,000,000 đồng/năm (*Bằng chữ: Bốn trăm bảy tư triệu đồng chẵn*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị chấp thuận phương án trả lương

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ - CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối Nhà nước;
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty. HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người lao động là 70,300,000,000 đồng (tương ứng với mức doanh thu kế hoạch là 1,039,150,069,400 đồng và lợi nhuận trước thuế kế hoạch 123,161,617,400 đồng).

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý chuyên trách: 4,400,000,000 đồng.

3. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý không chuyên trách: 306,000,000 đồng.

Quỹ lương thực hiện năm 2020 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC TRÍCH BỔ SUNG QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI NĂM 2016 – 2017 THEO THÔNG TƯ 28/2016/TT-BLĐTBXH

- Căn cứ Điều lệ công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016,2017;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016,2017 của công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng;
- Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016,2017 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện;
- Căn cứ điểm 1, điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và chuẩn y kế hoạch trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động:

1. Lợi nhuận sau thuế phân phối đã được ĐHĐCĐ thông qua:

	Năm 2016	Năm 2017
Tổng lợi nhuận thực hiện	113,410,912,906	117,451,731,428
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	19,089,202,354	20,839,134,979
Lợi nhuận sau thuế	94,321,710,552	96,612,596,449
Trích quỹ đầu tư phát triển	9,424,171,055	9,651,259,645
Trích quỹ khen thưởng	4,712,085,528	4,825,629,822
Trích quỹ phúc lợi	4,712,085,528	4,825,629,822
Trích quỹ thưởng BQL điều hành	350,000,000	450,000,000
Thưởng BDH hoạt động liên doanh	80,000,000	100,000,000
Thưởng BQL ĐH (phần lợi nhuận ST vượt KH)	410,328,916	
Lợi nhuận chia cổ tức ⁽¹⁾	31,415,839,500	37,699,007,400
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43,217,200,025	39,061,069,760

2. Kế hoạch trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Năm 2016	Năm 2017
Quỹ lương NLĐ	66,860,427,677	66,851,000,000
Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích theo sổ sách	9,424,171,056	9,651,259,644
Quỹ khen thưởng phúc lợi trích theo thông tư 28/2016-TT/BLĐTBXH ⁽²⁾	16,715,106,919	16,712,750,000

Chênh lệch quý 4 năm 2016: **1,822,733,966** đồng

Chênh lệch năm 2017: **7,061,490,356** đồng

Tổng số tiền: **8,884,224,322** đồng (*Tám tỷ tám trăm tám mươi bốn triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi hai đồng.*)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tỷ lệ chia cổ tức năm 2016 là 15%, năm 2017 là 18%

⁽²⁾ Thông tư 28/2016-TT/BLĐTBXH có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2016

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần DL GNVT XD Tân Cảng.

HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung: **Chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn** (công ty mẹ; có thành viên HĐQT của công ty đồng thời là thành viên HĐQT; thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn).

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: *Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, bốc xếp, đóng rút hàng; vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; thuê/cho thuê bến, bãi, văn phòng làm việc; hợp tác kinh doanh khai thác bãi container...*

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12, ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ việc Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty cổ phần Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn chiếm trên 50% vốn điều lệ;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty (có dự thảo điều lệ đính kèm).

Một số nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau:

ĐIỀU LỆ CŨ	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI
<p>Khoản 1 Điều 6</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 209.438.930.000 đồng (Hai trăm lẻ chín tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.943.893 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>	<p>Khoản 1 Điều 7</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 301.584.360.000 VNĐ (Ba trăm lẻ một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30,158,436 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>
<p>Khoản 1 Điều 14</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Khoản 1 Điều 16</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.”</p>

<p>Khoản 2 Điều 21.</p> <p>“... Trong trường hợp bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS thì có thể thực hiện theo phương thức bầu thông thường.”</p>	<p>Khoản 3 Điều 23.</p> <p>“... Trong trường hợp bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS mà số lượng thành viên ứng cử, đề cử thành viên HĐQT/BKS bằng với số lượng thành viên cần bầu thì có thể thực hiện thông qua việc biểu quyết như biểu quyết thông qua các nội dung khác của đại hội”.</p>
<p>Điều lệ cũ gồm 21 Chương, 57 Điều; Điều lệ sửa đổi gồm 20 Chương, 68 Điều, giảm 1 Chương và tăng 11 Điều so với Điều lệ cũ.</p> <p>Các nội dung sửa đổi khác, quý cổ đông xem chi tiết trong dự thảo Điều lệ đính kèm.</p>	

Do Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty cổ phần Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn chiếm trên 50% vốn điều lệ trở lên nhằm mục đích thống nhất hoạt động và quản lý các công ty trong toàn hệ thống. Vì vậy, TCL sửa đổi Điều lệ để bổ sung một số nội dung cho phù hợp với Điều lệ mẫu mà Tổng công ty ban hành. Điều lệ sửa đổi phân quyền giữa Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị và Giám đốc trong chặt chẽ, chi tiết hơn điều lệ cũ. Ví dụ: như Điều lệ cũ quy định “Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán” thì Điều lệ sửa đổi quy định: “Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua:

d1. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;

d2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; hợp đồng mua tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua dự án hoặc hợp đồng;

d3. Quyết định những hợp đồng cho vay, phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định thông qua hợp đồng;

d4. Những hợp đồng cho thuê, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua.” ...

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12, ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ việc Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty cổ phần Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn chiếm trên 50% vốn điều lệ;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (có dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm).

Quy chế sửa đổi bao gồm 13 Chương và 57 Điều, tăng 3 chương, 11 Điều so với Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018.

Quy chế này được sửa đổi với mục đích phù hợp với các nội dung được quy định trong Điều lệ mới được ban hành, nhằm thống nhất các quy định trong hệ thống văn bản nội bộ của công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Ngô Minh Thuận



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm TV. HĐQT đối với Ông Ngô Minh Thuận và bầu TV. HĐQT thay thế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng;
Căn cứ Quyết định số: 1350/QĐ-HĐTV ngày 27/4/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Ngô Minh Thuận (người đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn và giữ chức danh Chủ tịch HĐQT của Công ty).

2. Thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT, cụ thể:

- Ông Lê Hoàng Linh (Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn đề cử);
- Ứng viên khác (nếu có).

Việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT sẽ thực hiện theo quy chế bầu bổ sung Thành viên HĐQT được xây dựng trên cơ sở Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đã ký)

Ngô Minh Thuận

TÓM TẮT THÔNG TIN ỨNG CỬ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh:

Họ và tên: LÊ HOÀNG LINH

Ngày tháng năm sinh: 14/02/1968

2. Trình độ học vấn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

3. Quá trình công tác:

- Từ 1991 – 1992: Trợ lý Kỹ thuật Khai thác tàu, TCT Miền tây, Quân Khu 9.
- Từ 1993 – 2007: Nhân viên/Trưởng ban, P. KHKT, TCT Tân Cảng Sài Gòn.
- Từ tháng 4/2007 – 02/2008: Thành viên HĐQT, TB Logistics, Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng (TCL).
- Từ tháng 3/2008 - 4/2013: Thành viên HĐQT, Phó giám đốc, Công ty TCL.
- Từ tháng 9/2009 - 2/2016: Chủ tịch HĐQT (tháng 8/2011 – tháng 2/2016: kiêm giám đốc) Công ty CP Vận tải thủy Tân Cảng.
- Tháng 3/2016 - 4/2019: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Vận tải thủy Tân Cảng.
- Tháng 5/2019 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP cảng Tân Cảng Hiệp Phước.

4. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác (nếu có):

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công Ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Thành viên HĐQT – Giám đốc

5. Số CP nắm giữ: 10,858,101 CP, chiếm 36% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn) sở hữu: **10,857,369 CP.**

+ Cá nhân sở hữu: **732 CP**

5. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.

6. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không.

7. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty (nếu có): Không.



QUY CHẾ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

(Ngày 22 tháng 5 năm 2020)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015;
- Căn cứ Điều lệ của công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT theo các nội dung dưới đây:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT bổ sung: 01 người
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và

nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại điều 33 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: *Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của quá 05 công ty khác.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

V. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Phương thức bầu cử: *(Theo khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp)*

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

- Cách ghi Phiếu bầu cử:

- + Đại biểu bầu số ứng cử viên tối đa bằng số ứng cử viên trúng cử.

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “số phiếu bầu”.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

+ Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;

+ Gạch tên các ứng cử viên;

+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;

+ Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cử động hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

+ Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

- Việc kiểm phiếu: Tiến hành dưới sự giám sát của đại diện cử động (nếu cần).

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cử động (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội cử động của công ty.

VI. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có)
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong điều lệ công ty quy định.
- Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Việc ứng cử, đề cử được thực hiện bằng văn bản (theo mẫu do công ty ban hành) và được gửi đến công ty **chậm nhất 16 giờ 00 ngày 19/5/2020**. Thông tin liên hệ:

- Người nhận: **Ông Đào Tuấn Anh (Phòng 705, Tòa nhà TCL Building)**
- Phòng Đầu tư Pháp chế - Công ty CP Đại lý GNV T Xếp dỡ Tân Cảng.
- Địa chỉ: Số: 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.37423207 hoặc 0903821334
- Ngoài phong bì cần ghi rõ **“Hồ sơ ứng cử/ đề cử vào HĐQT”**.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại Đại hội cổ đông thường niên 2020 của Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN**

Ngô Minh Thuận

PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU ĐÒN PHIẾU

Ví dụ minh họa:

I. Các cổ đông đã đề cử các ứng cử viên và quyết định như sau:

- Chọn 1 thành viên HĐQT trong danh sách ứng cử viên

II. Cách thức bầu

1. Xác định tổng số quyền bầu cử của một cổ đông (và/hoặc đại diện cổ đông)

$$\text{Tổng số phiếu bầu} = \text{Tổng số cổ phần} \times \text{Số thành viên cần bầu}$$

2. Cách thức ghi phiếu bầu cử

VD: Cổ đông X nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 3.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông X là:

Tổng số phiếu biểu quyết là $3.000.000 \times 1 = 3.000.000$ phiếu

Cổ đông X có thể bầu bằng tổng số phiếu biểu quyết của mình (sau khi được xác định theo công thức như trên) theo một trong các phương thức sau đây:

a. Chia đều cho các ứng cử viên

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
I. Bầu thành viên HĐQT		
1	Ông (bà) A	1.000.000
2	Ông (bà) B	1.000.000
3	Ông (bà) C	1.000.000
	Tổng cộng	3.000.000

b. Chia không đều cho các ứng viên

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
I. Bầu thành viên HĐQT		
1	Ông (bà) A	1.500.000
2	Ông (bà) B	1.500.000
3	Ông (bà) C	0
	Tổng cộng	3.000.000

c. Đón hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho 01 ứng cử viên:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
I. Bầu thành viên HĐQT		
1	Ông (bà) A	3.000.000
2	Ông (bà) B	0
3	Ông (bà) C	0
	Tổng cộng	3.000.000

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - CÔNG TY CP DL GNVN XD TÂN CẢNG

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CP DL GNVN XD TÂN CẢNG

Tôi tên là:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: CP (mệnh giá 10.000đ/1CP), chiếm tỷ lệ.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

(Bằng chữ:cổ phần)

Đề nghị Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử (bầu bổ sung) thành viên Hội đồng quản trị - Công ty trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Nếu được các Cổ đông tín nhiệm bầu vào Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của mình để đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ngày tháng 5 năm 2020

Đính kèm theo hồ sơ ứng cử:

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh;
- Bản photocopy giấy CMND/CCCD/ Hộ chiếu;
- Bản sao (có công chứng) bằng cấp của ứng viên .

ỨNG CỬ VIÊN
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - CÔNG TY CP DL GNVN XD TÂN CẢNG

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CP DL GNVN XD TÂN CẢNG

Tôi/Đơn vị :

Số CMND/CCCD/Giấy CN ĐKDN: Cấp ngày.....

tại :

Địa chỉ:

Là cổ đông của **Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng**, hiện đang nắm giữ: cổ phần (mệnh giá 10.000đ/1CP), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, nay đề cử :

1. Ông (Bà):Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

2 Ông (Bà):Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

tham gia ứng cử (bầu bổ sung) thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ngày tháng 5 năm 2020

CỔ ĐÔNG

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đính kèm theo hồ sơ người được đề cử:

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh;
- Bản photocopy giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao (có công chứng) bằng cấp của ứng viên.

Ngày tháng 5 năm 2020

**BIÊN BẢN NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP DL GNVT XD TÂN CẢNG**

Chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng, cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

tham gia ứng cử (bầu bổ sung) thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

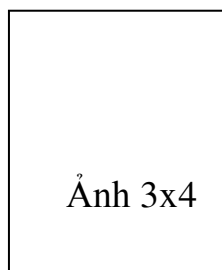
Danh sách cổ đông ký tên dưới đây đồng ý với nội dung trên:

Stt	Họ tên	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
TỔNG SỐ CỔ PHẦN					

Đính kèm theo hồ sơ người được đề cử:

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh;
- Bản photocopy giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao (có công chứng) bằng cấp của ứng viên .

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(Ứng cử viên Hội đồng quản trị)



1. Họ và tên : Giới tính :
2. Ngày tháng năm sinh :
3. CMND/CCCD số : Cấp ngày:
- tại:.....
4. Dân tộc : Quốc tịch:
5. Quê quán:
6. Địa chỉ thường trú:
7. Số điện thoại liên lạc:
8. Trình độ văn hóa:
9. Trình độ chuyên môn:
10. Quá trình công tác:
-
-
-
11. Chức vụ và đơn vị công tác hiện nay:
12. Số lượng cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền: cổ phần
13. Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

STT	Tên Công ty	Chức vụ mà ứng viên nắm giữ tại công ty	Ghi chú
1			
2			
3			

14. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty):.....
-
15. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử:
16. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có):.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày tháng 5 năm 2020

Người khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v: xác nhận sở hữu cổ phần liên tục ít nhất 6 tháng

(Đối với cổ đông đã lưu ký)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán.....

Họ tên chủ tài khoản:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Tài khoản số:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần

Mã chứng khoán: **TCL**

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Từ ngày 25/9/2019 đến ngày 25/03/2020

Đề nghị Công ty cổ phần Chứng khoán..... xác nhận giúp tôi/chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng năm 2020

Chủ tài khoản

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

GIẤY XÁC NHẬN TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

V/v: Xác nhận sở hữu cổ phần liên tục ít nhất 6 tháng

(Đối với cổ đông chưa lưu ký)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

- Cổ đông:
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:..... Ngày cấp:/...../.....
Nơi cấp: ...
- Người đại diện theo pháp luật: ...
- Hiện đang sở hữu: ...
- Mã chứng khoán: TCL
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:
- **Từ ngày 25/9/2019 đến ngày 25/03/2020**

Đề nghị Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng xác nhận giúp chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng năm 2020

Cổ đông

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 (sau đây gọi tắt là “Điều lệ”), thay thế Điều lệ được Đại đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp Dỡ Tân Cảng thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2018 kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020.

CHƯƠNG I
GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. Việt Nam là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - b. Luật Doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. Công ty là Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng.
 - d. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
 - đ. Ngày thành lập công ty là ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - e. Pháp luật là quy định tại tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng);
 - g. Người quản lý công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ này;
 - h. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty trong các trường hợp được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty;

j. Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

k. Ban kiểm soát là Ban kiểm soát của công ty;

l. Cổ phần phổ thông là cổ phần phải có tại công ty cổ phần. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông có quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật Doanh nghiệp.

m. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

n. Cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty đã được phát hành và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty;

o. Đơn vị trực thuộc bao gồm Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

- Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của công ty kể cả chức năng theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty;

- Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của công ty và bảo vệ các lợi ích đó;

- Địa điểm kinh doanh là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể. Địa điểm kinh doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính;

p. Công ty con là doanh nghiệp thuộc các trường hợp sau: (a) Công ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

q. “Công ty liên doanh, liên kết” là công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật, hoặc thoả thuận liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật; có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường;

Công ty liên doanh, liên kết được tổ chức dưới hình thức: Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần ở trong nước và nước ngoài, các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại;

r. Quy chế quản trị công ty là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để quy định về quản trị, điều hành công ty phù hợp với quy định pháp luật tại từng thời điểm;

s. Địa bàn kinh doanh là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

t. Đầu tư ra ngoài công ty là việc sử dụng vốn của công ty đầu tư, góp vốn để thành lập pháp nhân mới hoặc các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật;

u. Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn là Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn viết tắt TCT TCSG;

v. Người đại diện phần vốn là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác;

2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng để tiện cho việc hiểu và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự; Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN GỌI, TRỤ SỞ, HÌNH THỨC, MỤC TIÊU, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 2. Tên, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty.

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: TAN CANG LOGISTICS & STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: TAN CANG LOGISTICS., JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 470 Đường Đồng Văn Cống, khu phố 2, Phường Thanh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. HCM.

- Điện thoại: 028.3 742.2234

- Fax: 028.3 742.3206

- E-mail: marketing@tancanglogistics.com.vn

- Website: www.tancanglogistics.com

4. Công ty có thể thành lập Đơn vị trực thuộc; chia, tách và chuyển đổi Đơn vị trực thuộc tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 63 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 64 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là: 50 năm kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì sẽ ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện theo pháp luật và người có liên quan với người đại diện theo pháp luật làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c. Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của công ty cho cổ đông và cải thiện nâng cao giá trị của công ty, điều kiện môi trường làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đúng quy định. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng được TCT TCSG giao.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý vận tải đường biển. Đại lý tàu biển. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ lo-gi-stics. Dịch vụ môi giới hàng hải. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	5229 (Chính)
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
4	Bốc xếp hàng hóa - Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông	5224
5	Dịch vụ đóng gói - Chi tiết: Dịch vụ kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
6	Chuẩn bị mặt bằng - Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa công trình dân dụng, công trình thủy lợi phục vụ cảng biển, cảng sông	4290
8	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

	- Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy bộ; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển. Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ cảng biển.	
9	Đại lý, môi giới, đấu giá - Chi tiết: Môi giới	4610
10	Cung ứng và quản lý nguồn lao động - Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. dịch vụ cho thuê kho bãi; dịch vụ cho thuê văn phòng	6810
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
13	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Chi tiết: Sửa chữa, đóng mới container, rơ-mooc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3315
14	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định	4932
15	Điều hành tua du lịch - Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế	7912
16	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Mua bán container, rơ-mooc	4669
17	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Chi tiết: Cho thuê phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy bộ; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển	7730
18	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ ICD: xếp dỡ hàng hóa, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh doanh kho bãi	5210
20	Quảng cáo	7310
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ xông hơi khử trùng nông sản, diệt côn trùng, diệt chuột.	8299

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của công ty đã được công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại công ty hoạt động theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 301.584.360.000 VNĐ (Ba trăm lẻ một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30,158,436 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu góp vốn cụ thể như sau:

Stt	Họ tên cổ đông sáng lập	Tổng số cổ phần		Loại cổ phần phổ thông		Tỷ lệ (%)
		Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.381.273	150.812.730.000	15.381.273	150.812.730.000	51
2	Cổ đông khác	14.777.136	147.771.360.000	14.777.136	147.771.360.000	49
TỔNG CỘNG		30.158.436	301.584.360.000	30.158.436	301.584.360.000	100

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 90 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với

điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ không quá 12% một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Quy định về sổ đăng ký cổ đông, mua bán cổ phần, thanh toán cổ tức

Các quy định về sổ đăng ký cổ đông, việc mua bán, chuyển nhượng, thừa kế, mua lại cổ phần, thanh toán cổ tức được thực hiện theo quy định tại các Điều từ 121 đến Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG V CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 28 và Điều 41 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân sách hàng năm và kế hoạch 05 (năm) năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d. Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

d1. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;

d2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; hợp đồng mua tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua dự án hoặc hợp đồng;

d3. Quyết định những hợp đồng cho vay, phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định thông qua hợp đồng;

d4. Những hợp đồng cho thuê, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Thông qua ngành nghề kinh doanh của công ty;

i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

j. Quyết định tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty), giải thể (chấm dứt hoạt động) công ty;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ

này .

4. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm d khoản 3 Điều này khi cổ đông hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 60 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- đ. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của

ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp

dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

9. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; gia hạn hoạt động của công ty; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Trong trường hợp bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS mà số lượng thành viên ứng cử, đề cử thành viên HĐQT/BKS bằng với số lượng thành viên cần bầu thì có thể thực hiện thông qua việc biểu quyết như biểu quyết thông qua các nội dung khác của đại hội.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; định hướng phát triển công ty; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư; dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua dự án hoặc hợp đồng; Ban hành lãi suất và điều kiện cho vay, đồng thời quyết định những hợp đồng cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định thông qua hợp đồng cho vay; phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua phương án huy động vốn; những hợp đồng cho thuê tài sản cố định, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua; thông qua báo cáo tài chính hằng năm ...).

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ

đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản

kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 03 công ty khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các

ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- đ. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65 % trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- đ. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...;
- h. Công ty bị phá sản, giải thể;
- i. Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc có văn bản thay đổi người đại diện
- j. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của công ty; giám sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động quản trị, kinh doanh của công ty trừ những thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân sách hằng năm và kế hoạch 05 (năm) năm của công ty;

b. Đề xuất, kiến nghị các vấn đề sau để Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua:

b1. Định hướng mục tiêu phát triển của công ty;

b2. Phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

b3. Loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

b4. Mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

b5. Việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

b6. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ của công ty

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó:

g1. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm không được trái với pháp luật lao động hoặc quy định của TCT TCSG của những người đó (nếu có);

g2. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị tổ chức họp biểu quyết thông qua và được thể hiện bằng văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị;

g3. Nhiệm kỳ của những người quản lý nêu trên là 5 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại theo quy định;

h. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành doanh nghiệp hoặc giao cho Chủ tịch hội đồng quản trị thực hiện;

i. Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

i1. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;

i2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; hợp đồng mua tài sản cố định có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định phê duyệt dự án;

i3. Các hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất kinh doanh thường xuyên có giá trị trên 01 (một) tỷ đồng;

i4. Từng hợp đồng cho vay có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định thông qua hợp đồng;

i5. Phương án huy động vốn có giá trị trên 01 (một) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định huy động vốn;

i6. Những hợp đồng cho thuê tài sản cố định có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định hợp đồng;

Quyết định thông qua các hợp đồng cho thuê có thời hạn trên 12 (mười hai) tháng, và các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, các hợp đồng cho thuê tài sản gắn trên đất, thuê hạ tầng cơ sở của công ty;

i7. Những hợp đồng thuê tài sản có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định hợp đồng thuê;

Quyết định thông qua các hợp đồng thuê có thời hạn trên 12 (mười hai) tháng và các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê tài sản gắn trên đất hoặc hạ tầng cơ sở;

i8. Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định phương án (trừ hợp đồng nhượng bán tài sản là quyền sử dụng đất).

Các Quyết định quy định tại điểm i khoản 2 Điều này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, và phương án thanh lý tài sản khi giải thể công ty quy định tại Điều 65 Điều lệ này;

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, mô hình quản lý công ty, việc thành lập các đơn vị trực thuộc;

k. Quyết định việc thành lập các công ty con, góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác theo thẩm quyền hoặc được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận quy định tại Điều 62 Điều lệ này; thực hiện cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn hoặc đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên hoặc Đại hội đồng cổ đông tại các công ty đó, thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát, chỉ đạo, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l. Quyết định ban hành Điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua. Ban hành hoặc giao cho Giám đốc công ty ban hành các quy chế quản lý nội bộ điều hành công ty thuộc thẩm quyền;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định;

n. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc công ty;

q. Đình chỉ quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc để hạn chế tổn thất;

r. Được sử dụng tài sản, con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

s. Công khai lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với công ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng, giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế quản lý nội bộ công ty quy định (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập Đơn vị trực thuộc của công ty, và thành lập công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của công ty;

c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty với mức giá trị được quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính của công ty;

d. Biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trường hợp có chênh lệch tăng, giảm từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đã được chấp thuận, thông qua trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư và ngân sách;

đ. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của công ty;

e. Việc định giá tài sản góp vào công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần.

4. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều này và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 và điểm b khoản 5 Điều 45 Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông thì báo cáo tài chính năm của công ty bị coi là không có giá trị.

6. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 02 công ty khác

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Thay mặt Hội đồng quản trị hoặc theo phân công của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ. Ký quyết định bổ nhiệm các chức danh nhân sự giúp việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị công ty, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và đề nghị Giám đốc quyết định tiền lương, phụ cấp, quyền lợi khác của các chức danh này;
- e. Giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- g. Thay mặt Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc, sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, và các công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị;
- h. Có quyền tham dự các cuộc giao ban, cuộc họp do Ban Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp;

i. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của công ty và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

j. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm đình chỉ những quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này hoặc để hạn chế tổn thất và vì lợi ích của công ty, sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ, và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Điều lệ công ty và các Quy chế nội bộ của công ty quy định (nếu có).

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một (01) thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn khả năng làm việc được thì trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thủ tục bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 1 Điều 32 Điều lệ này.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký hoặc bổ nhiệm kiêm nhiệm chức danh thư ký công ty để hỗ trợ hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

6. Chủ tịch điều hành Hội đồng quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành Hội đồng quản trị công ty trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 45 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

đ. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản

trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

3. Quản lý công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty; điều hành công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, các nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.

5. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại theo các quy định của pháp luật có liên quan. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không thuộc phạm vi quyết định của Hội đồng quản trị.

Bao gồm thay mặt công ty ký hợp đồng, tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh theo những thông lệ tốt nhất; ban hành các nội quy, quy định, định mức nội bộ phục vụ quản lý điều hành công ty thuộc thẩm quyền hoặc được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ.

b. Được quyền quyết định và chịu trách nhiệm các hợp đồng, giao dịch sau:

b1. Các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ đảm bảo sản xuất kinh doanh thường xuyên có giá trị đến 01 (một) tỷ đồng.

b2. Từng phương án huy động vốn có giá trị đến 01 (một) tỷ đồng. Đối với hợp đồng huy động vốn với các tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng phải được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua;

b3. Từng hợp đồng thuê tài sản, cho thuê tài sản cố định trong thời hạn không quá 12 tháng và có giá trị đến 02 (hai) tỷ đồng (trừ các hợp đồng thuê tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn trên đất, hạ tầng cơ sở);

c. Tổ chức thực hiện các dự án, hợp đồng, kế hoạch, phương án sau khi được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua (quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 30 Điều lệ này) theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của công ty;

d. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, chấp thuận;

đ. Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính và ngân sách hằng năm. Báo cáo Hội

đồng quản trị các Hợp đồng kinh tế thuộc thẩm quyền ký kết để Hội đồng quản trị giám sát;

e. Giám đốc công ty có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong phạm vi của Giám đốc;

Khi thực hiện ủy quyền Giám đốc công ty phải báo cáo và gửi kèm văn bản ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát theo dõi. Nội dung, phạm vi ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức công ty, ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung quy chế quản lý nội bộ của công ty;

h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh điều hành trong công ty; trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và của TCT TCSG;

i. Quyết định tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty, những người quy định tại điểm h khoản này và những người thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị;

j. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; tuyển dụng lao động, ký Hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động và khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế công ty và của TCT TCSG;

k. Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

l. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, nhân viên, người lao động thuộc quyền quản lý trong công ty;

m. Giám đốc có trách nhiệm kịp thời báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị về những nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

n. Thực hiện việc chỉ đạo cơ quan, đơn vị nghiệp vụ công ty kiểm tra, giám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của các công ty con, công ty có cổ phần, vốn góp của công ty, hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định và báo cáo Hội đồng quản trị.

o. Thừa ủy quyền Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của công ty. Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn và các sự cố khác và chịu trách nhiệm về quyết định này đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị biết;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Hội đồng quản trị và quy chế quản lý nội bộ công ty quy định (nếu có).

7. Trường hợp Giám đốc và những người quản lý khác nhận thấy các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chưa phù hợp thì Giám đốc phải báo cáo

ngay Hội đồng quản trị và có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản nhưng vẫn phải có trách nhiệm thực thi. Ý kiến bảo lưu được xem xét miễn trừ trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh (nếu có).

8. Trong trường hợp Giám đốc công ty không có mặt để xử lý các công việc, Hội đồng quản trị sẽ xem xét cử Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt giải quyết một số công việc trong quyền hạn của Giám đốc. Việc cử này phải được thực hiện bằng quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty hoặc hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

10. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc với ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị tán thành (nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì không được biểu quyết) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

11. Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của công ty hoặc TCT TCSG;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo công tác;
- c. Nghỉ hưu; Hết hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng

12. Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, TCT TCSG;
- b. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc là lao động hợp đồng.

Điều 38. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

3. Văn phòng và các phòng, ban hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty.

4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

5. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được;

b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo chính sách thù lao thành viên Hội đồng quản trị của công ty;

d. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ công ty.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được

thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ Danh sách nói trên tại các Chi nhánh của công ty;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác được quyền yêu cầu trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản 4 Điều này được tiếp cận trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này;

đ. Trình tự, thủ tục trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:

đ1. Những người quy tại điểm c khoản 4 Điều này bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền, yêu cầu được trích lục và sao

một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

đ2. Tại trụ sở chính, trong giờ làm việc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt đồng ý hay không đồng ý vào văn bản yêu cầu và chuyển cho Thư ký Hội đồng quản trị là người có trách nhiệm cung cấp trích lục theo phê duyệt.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

CHƯƠNG VIII BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 42. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 43. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

đ. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội

đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Phối hợp chặt chẽ với Phòng Kiểm toán nội bộ công ty mẹ; các báo cáo, tài liệu và việc thực hiện quyền, nhiệm vụ, trách nhiệm của Kiểm soát viên được Phòng Kiểm toán nội bộ công ty mẹ kiểm tra, giám sát, đánh giá.

5. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên

quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự,

hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 47. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XI LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG; CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 48. Lao động và tuyển dụng lao động

1. Việc tuyển dụng, sử dụng, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể công ty và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc công ty (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với Người lao động, và các quy chế quản lý nội bộ công ty quy định.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có quyền tuyển dụng, ký hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người lao động theo nhu cầu hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ phù hợp và có khả năng hoàn thành công việc mà công ty cần theo Quy chế tuyển dụng, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty.

Điều 49. Tiền lương

Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp lương của người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của Người lao động, phù hợp với quy định của Bộ luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Điều 50. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi: Người lao động trong công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ công ty quy định, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty.

Người lao động được hưởng và đảm bảo chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ công ty, nội quy kỷ luật lao động hợp pháp của công ty đã đăng ký tại Cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế nội bộ khác của công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của Người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc công ty thực hiện xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy kỷ luật lao động của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động.

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về

khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 55. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

6. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý công ty phải nộp Báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

7. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc công ty phải lập quyết toán báo cáo tài chính năm và gửi về TCT TCSG.

8. Trước ngày 30/11 hằng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

9. Trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc theo đề nghị của Hội đồng quản trị có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

Điều 57. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

5. Tuân thủ các kế hoạch thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG

CHƯƠNG XVI CON DẤU

Điều 59. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức, số lượng con dấu của công ty là 01 (một) con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

Điều 60. Đơn vị phụ thuộc và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty;

2. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 61. Quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: Văn phòng đại diện, Chi nhánh, và địa điểm kinh doanh; được tổ chức, quản lý theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật; hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Các đơn vị phụ thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của công ty. Các đơn vị phụ thuộc thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của công ty quy định trong Điều lệ này, quy chế của công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị phụ thuộc do Giám đốc trình Hội đồng quản trị công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị phụ thuộc.

3. Văn phòng đại diện của công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của công ty; có trụ sở,

được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của công ty.

5. Địa điểm kinh doanh của Công ty là nơi tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh cụ thể theo phân cấp của công ty. Địa điểm kinh doanh của công ty có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính nhưng phải nằm trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính. Cơ cấu tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của địa điểm kinh doanh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định căn cứ theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và doanh nghiệp có vốn góp

1. Quan hệ với công ty do công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ (gọi tắt là công ty con):

Công ty là Chủ sở hữu công ty con do công ty đầu tư 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị thay mặt Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con theo thẩm quyền của mình hoặc theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông công ty.

Thực hiện quyền và trách nhiệm của công ty đối với công ty con theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và Điều lệ của công ty con.

Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được qui định tại điều lệ công ty đối với công ty con:

a. Quyết định thành lập, vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty con;

b. Phê duyệt Điều lệ công ty con khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty con theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con;

c. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của công ty con. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của

Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kiểm soát viên của công ty con;

đ. Quyết định hoặc phê duyệt thông qua:

- Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

- Từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, đầu tư xây dựng, mua tài sản cố định, hợp đồng thuê, cho thuê có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định hợp đồng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

- Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm thực hiện phương án hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

e. Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty con cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty con;

g. Phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và lợi ích khác đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý điều hành khác của công ty con sau khi được công ty chấp thuận;

h. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của công ty con;

i. Yêu cầu người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo tài chính quý, năm, kế hoạch tài chính chi tiết năm tiếp theo và cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ này;

j. Giám sát, kiểm tra, kiểm toán và đánh giá các hoạt động kinh doanh sản xuất, quản lý điều hành, chấp hành pháp luật theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con;

k. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty con sau khi công ty con hoàn thành giải thể hoặc phá sản theo quy định pháp luật hiện hành;

l. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty con;

m. Trách nhiệm:

- Đầu tư vốn đúng cam kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty con; trường hợp không đầu tư đủ số vốn đã cam kết thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con;

- Tuân thủ điều lệ công ty con;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty con và công ty;

- Xác định và tách bạch tài sản của công ty và tài sản của công ty con;

n. Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con.

2. Quan hệ với công ty do công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty đó (gọi tắt là doanh nghiệp):

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của doanh nghiệp đó;

b. Trực tiếp quản lý cổ phần, phần vốn góp thông qua một (hoặc nhiều) Người đại diện phần vốn của công ty tại doanh nghiệp đó;

c. Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp đó:

- Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của Người đại diện;

- Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty tại doanh nghiệp đó;

- Yêu cầu Người đại diện phần vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp đó theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành;

- Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phần vốn xin ý kiến công ty về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết ở doanh nghiệp đó, bao gồm: Vấn đề tổ chức, nhân sự quản lý, điều hành của công ty, cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; những vấn đề dẫn đến việc thay đổi tỷ lệ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó; các dự án đầu tư, định hướng phát triển, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn của công ty; huy động vốn, xử lý tài chính, chia cổ tức; việc sử dụng cổ phần, vốn góp để phục vụ định hướng phát triển, mục tiêu của

công ty và các vấn đề khác theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành;

- Thu cổ tức và chịu rủi ro từ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó;
- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của Công ty đã góp vào doanh nghiệp đó theo thẩm quyền được pháp luật quy định;
- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào doanh nghiệp đó;
- Thông qua người đại diện phần vốn yêu cầu doanh nghiệp đó cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty;

d. Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế của công ty.

3. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác (công ty liên doanh, liên kết):

Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp của công ty bằng hoặc dưới 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại doanh nghiệp đó.

Công ty là chủ sở hữu phần vốn của công ty tại các doanh nghiệp đó. Hội đồng quản trị công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này; thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ tương ứng với nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mọi quan hệ giữa công ty với các công ty con và các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch, hợp đồng: mua, bán, thuê, cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa của công ty với các công ty con và doanh nghiệp có vốn góp khác được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn góp do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp khác phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Điều lệ các công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 63. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 64. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 65. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 67. Bổ sung, sửa đổi điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 Chương 68 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng nhất trí thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Cường

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ.....	1
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG.....	1
CHƯƠNG I.....	1
GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II.....	3
TÊN GỌI, TRỤ SỞ, HÌNH THỨC, MỤC TIÊU, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	3
Điều 2. Tên, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty.....	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty	7
Điều 6. Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty	7
CHƯƠNG III.....	7
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 11. Thu hồi cổ phần	9
Điều 12. Quy định về sổ đăng ký cổ đông, mua bán cổ phần, thanh toán cổ tức.....	10
CHƯƠNG IV.....	10
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
CHƯƠNG V	10
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 14. Quyền của cổ đông	10
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 18. Đại diện theo ủy quyền	15
Điều 19. Thay đổi các quyền	16
Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
CHƯƠNG VI.....	24
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị	31
Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty.....	36
CHƯƠNG VII	37

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	37
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý	37
Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp.....	37
Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	37
Điều 38. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc	40
Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc	41
Điều 40. Công khai các lợi ích liên quan.....	42
CHƯƠNG VIII.....	43
BAN KIỂM SOÁT	43
Điều 41. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	43
Điều 42. Kiểm soát viên	43
Điều 43. Ban kiểm soát	44
CHƯƠNG IX.....	45
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	45
Điều 44. Trách nhiệm cẩn trọng	45
Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	45
Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
CHƯƠNG X.....	47
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	47
Điều 47. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	47
CHƯƠNG XI.....	48
LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG; CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	48
Điều 48. Lao động và tuyển dụng lao động.....	48
Điều 49. Tiền lương.....	48
Điều 50. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động.....	48
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn.....	49
CHƯƠNG XII	49
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	49
Điều 52. Phân phối lợi nhuận	49
CHƯƠNG XIII.....	50
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	50
Điều 53. Tài khoản ngân hàng.....	50
Điều 54. Năm tài chính.....	50
Điều 55. Chế độ kế toán	50
CHƯƠNG XIV.....	51
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	51
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	51
Điều 57. Báo cáo thường niên	52
CHƯƠNG XV.....	52
KIỂM TOÁN CÔNG TY	52
Điều 58. Kiểm toán.....	52
CHƯƠNG XVI.....	53
CON DẤU	53
Điều 59. Con dấu	53
CHƯƠNG XVII	53
ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON,	53
CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY	53
Điều 60. Đơn vị phụ thuộc và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty	53
Điều 61. Quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc	53

Điều 62. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và doanh nghiệp có vốn góp.....	54
CHƯƠNG XVIII.....	57
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	57
Điều 63. Chấm dứt hoạt động.....	58
Điều 64. Gia hạn hoạt động.....	58
Điều 65. Thanh lý.....	58
CHƯƠNG XIX.....	59
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	59
Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	59
CHƯƠNG XX.....	59
BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC.....	59
Điều 67. Bổ sung, sửa đổi điều lệ công ty.....	59
Điều 68. Ngày hiệu lực.....	60

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CP ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày 22/5/2020)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;

Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm các nội dung sau đây:

**Chương I:
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người quản lý, điều hành khác thuộc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - c. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - đ. Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
2. Công ty đại chúng là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán.
3. Công ty là Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;

4. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.

5. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

6. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

9. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

10. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

11. TCT TCSG là Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông gửi cho các cổ đông chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn

một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ phiếu biểu quyết hoặc đánh dấu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến vào thẻ biểu quyết.

2. Cách thức bỏ phiếu có thể được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

3. Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

4. Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn

nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.

1. Đại hội sẽ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.

2. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập thống kê số phiếu biểu quyết Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn và công bố trước Đại hội.

4. Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Tổng số phiếu/ thẻ tán thành, không tán thành đối từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo sau khi tiến hành biểu quyết hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông) để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; định hướng phát triển công ty; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; thông qua báo cáo tài chính hằng năm ...).

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Các vấn đề đã được thông qua;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 03 công ty khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được

đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65 % trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Trong trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mà số lượng thành viên ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị bằng với số lượng thành viên cần bầu thì có thể thực hiện thông qua việc biểu quyết như biểu quyết thông qua các nội dung khác của đại hội.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;

b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức;

d. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

đ Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...;

e. Công ty bị phá sản, giải thể;

g. Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc có văn bản thay đổi người đại diện

h. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi cùng thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông (phải được gửi cho các cổ đông cùng các tài liệu liên quan chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Chương IV:

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; trừ trường hợp biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 24. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị/nghị quyết Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản/nghị quyết đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản/nghị quyết trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Chương V:

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

đ. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó

e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Trong trường hợp bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát mà số lượng thành viên ứng cử, đề cử thành viên ban kiểm soát bằng với số lượng thành viên cần bầu thì có thể thực hiện thông qua việc biểu quyết như biểu quyết thông qua các nội dung khác của đại hội.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được gửi cùng thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông (phải được gửi cho các cổ đông cùng các tài liệu liên quan chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị cần thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

4. Trường hợp công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

Chương VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 31. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của Giám đốc và điều kiện làm Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty.

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.

b. Phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

Điều 32. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Bổ nhiệm Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và cán bộ quản lý khác.

Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và cán bộ quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Giám đốc với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 33. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Sau khi Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Giám đốc. Giám đốc ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nội dung hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì người điều hành doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- d. Nghi hưu; Hết hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VIII:

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 36. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị và phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các

Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 37. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết Hội đồng quản trị tới các thành viên Ban kiểm soát đồng thời như với gửi nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Giám đốc

1. Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Quản lý công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty; điều hành công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, các nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ công ty.

Điều 39. Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc:

- a. Là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc;
- b. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Giám đốc về kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được phân công hoặc được ủy quyền;
- c. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc tối đa là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kế toán trưởng:

- a. Kế toán trưởng không được là thành viên Hội đồng quản trị; không phải là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hay Phó Giám đốc;
- b. Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo về các hoạt động tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo luật định;
- c. Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng tối đa là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Các phòng ban nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

4. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng có thể bị miễn nhiệm, cách chức trong trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật hay Điều lệ Công ty kể cả khi chưa hết nhiệm kỳ.

5. Văn phòng và các phòng, ban hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty:

- a. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế quản lý, điều hành hoạt động của công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị;

- b. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 40. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị;

- b. Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.

3. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 41. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và việc thực hiện nghị quyết và các nhiệm vụ được giao khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

1. Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

2. Hàng tháng, Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo nhanh cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.

Điều 42. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

1. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

a. Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc điều hành phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty;

b. Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...);

c. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan tới Giám đốc theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

1. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

a. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc:

- Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty và gửi cho Hội đồng quản trị trước ít nhất 24 giờ. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận;

- Các nội dung khác cần ý kiến của Giám đốc, Giám đốc phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu;

b. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

- Trong các vấn đề quan trọng của Công ty như tham gia khảo sát, mở rộng thị trường trong và ngoài nước hoặc đàm phán, ký các hợp đồng vượt quá quyền hạn của Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền đề cử Giám đốc tham dự với tư cách là tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đối với các cuộc họp mời Công ty tham dự, trừ những trường hợp mời đích danh thì tùy theo tính chất cuộc họp để phân công cụ thể như sau:

+ Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cá nhân, bộ phận liên quan (nếu cần thiết).

+ Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách trước mắt hoặc điều hành thì Giám đốc hoặc Phó Giám đốc tham dự, sau đó thông báo lại cho Hội đồng quản trị, nếu Giám đốc hoặc Phó Giám đốc không tham dự thì thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự sau đó thông báo lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc.

+ Các cuộc họp khác do Giám đốc quyết định cử người tham dự.

2. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

a. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị:

+ Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như thông báo kết quả cuộc họp Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 Quy chế này.

+ Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Ban kiểm soát:

+ Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

+ Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc, thành viên Kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

+ Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

+ Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

b. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Khi thấy cần thiết phục vụ cho các công việc giám sát của mình, Trưởng Ban kiểm soát có quyền (hoặc cử thành viên khác của Ban kiểm soát) tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến cho các vấn đề quan trọng nhưng không được quyền biểu quyết.

- Trong quá trình thực hiện kiểm tra giám sát của mình, nếu Ban kiểm soát phát hiện ra các vấn đề không đúng hoặc không có lợi cho Công ty hoặc trái với các quy định của pháp luật hiện hành; hoặc các quyết định của Giám đốc và Hội đồng quản trị vượt quá quyền hạn chức trách của mình; hoặc có các vi phạm của

các cá nhân Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị đối với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty, thì phải báo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu các vấn đề đó vẫn không được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiếp thu và xử lý kịp thời thì Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến của mình để triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị giải quyết, nếu vấn đề vẫn không được Hội đồng quản trị giải quyết thì Ban kiểm soát có quyền tiếp tục bảo lưu ý kiến của mình để báo cáo với Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất hoặc trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp Đại hội cổ đông bất thường để giải quyết vấn đề nêu trên;

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các vấn đề Hội đồng quản trị phải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ quyết định trước khi có ý kiến của Ban kiểm soát (ý kiến bằng văn bản hoặc ghi trực tiếp trên tờ trình). Quyết định của Hội đồng quản trị không phụ thuộc vào ý kiến của Ban kiểm soát, trong trường hợp ý kiến không thống nhất, ý kiến của Ban kiểm soát sẽ được bảo lưu và giải quyết theo điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 44. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết và các nhiệm vụ được giao khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

1. Trên cơ sở báo cáo của Giám đốc theo quy định tại Điều 41 Điều 42 Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Giám đốc, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá về việc thực hiện Nghị quyết và các nhiệm vụ được giao khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

2. Việc đánh giá, nhận xét được lập thành biên bản và được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất thông qua.

Chương IX: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có

hiệu quả. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi Người phụ trách quản trị công ty không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương X

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 49. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc và người quản lý khác

1. Đánh giá hoạt động:

a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác (dựa theo tiêu chí đánh giá quy định tại Quy chế hạt động của Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của TCT TCSG đầu tư vào doanh nghiệp khác);

b. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c. Việc đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;

d. Việc đánh giá hoạt động của Giám đốc được thực hiện theo tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị phê chuẩn;

đ. Việc đánh giá hoạt động của người quản lý khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các người điều hành này.

2. Khen thưởng:

a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại khoản 1 Điều này;

b. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định;

c. Hình thức thưởng:

c1. Bằng tiền.

c2. Bằng cổ phiếu theo phương thức tùy chọn.

d. Đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị quyết định trong phạm vi thù lao được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

đ. Đối với đối tượng là người điều hành các bộ phận của công ty, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật liên quan. Mức khen thưởng căn cứ vào tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của từng năm mà Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

3. Kỷ luật:

a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên quy định Luật lao động, Nội quy kỷ luật lao động hợp lệ của công ty và tính chất, mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu sự trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Quy chế này và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc theo quy định của Điều 38 Điều lệ công ty;

d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc

đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ theo quy định của pháp luật và trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Trường hợp pháp nhân mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và công ty là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế thì không buộc phải được Đại hội đồng chấp thuận giao dịch.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử

dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác hay để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 52. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 53. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Điều 54. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

1. Đại diện phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG, Công ty kiểm toán độc lập có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và có thể phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ công ty hoặc báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán tài chính năm có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

2. Đại diện phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG được dự họp Đại hội đồng cổ đông (khi thấy cần thiết), trường hợp này do Người đại diện phần vốn của TCT TCSG tại công ty đăng ký Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Chương XII ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 55. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý, người điều hành khác phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

Chương XIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong trường hợp các qui định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan đến Quy chế thay đổi thì quy chế này cũng sẽ được thay đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi đó.

2. Đề xuất về sửa đổi, bổ sung, thay thế các qui định của quy chế này sẽ được Chủ tịch HĐQT đưa ra trong một phiên họp HĐQT cho toàn thể thành viên HĐQT xem xét và cho ý kiến.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế nào đối với bất kỳ qui định nào trong quy chế này chỉ có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

Điều 57. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, ngày 22 tháng 5 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.	1
Chương II: 2	
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT	2
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.	2
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu	3
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	4
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu	4
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	6
Chương III: 7	
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM	7
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	8
Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	10
Chương IV: 10	
TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị	10
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	11
Điều 21. Cách thức biểu quyết	11
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	11
Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	11
Điều 24. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị	12
Chương V: 12	
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM	12
KIỂM SOÁT VIÊN	12
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	12
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	12
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	13
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	13
Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	13
Chương VI: 14	
CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	14
Chương VII: 14	
LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	14
Điều 31. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	14
Điều 32. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp	14
Điều 33. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	15
Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	15
Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	15
Chương VIII: 15	
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	15
BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC	15
Điều 36. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị và phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc	15

Điều 37. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát _____	16
Điều 38. Giám đốc _____	16
Điều 39. Bộ máy giúp việc _____	16
Điều 40. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị _____	17
Điều 41. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc 18	
Điều 42. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát _____	18
Điều 43. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc _____	19
Điều 44. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc _____	21
Chương IX: 21	
LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH _____	21
QUẢN TRỊ CÔNG TY _____	21
Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty _____	21
Điều 46. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty _____	21
Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty _____	22
Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty _____	22
Chương X 22	
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC _____	22
Điều 49. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, giám đốc và người quản lý khác khác _____	22
Chương XI 23	
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY _____	23
Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan _____	24
Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác _____	25
Điều 52. Giao dịch với người có liên quan _____	26
Điều 53. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty _____	26
Điều 54. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập _____	26
Chương XII 27	
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY _____	27
Điều 55. Đào tạo về quản trị công ty _____	27
Chương XIII _____	27
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ NGÀY HIỆU LỰC _____	27
Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Quy chế _____	27
Điều 57. Hiệu lực của Quy chế _____	27

The authorized party represents the authorizing party to attend the Annual General Shareholders Meeting of Tan Cang Logistics & Stevedoring Joint Stock Company and perform all rights and obligations at the General Meeting related to authorized shares.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

We commit to be fully responsible for this authorization without any claims or disputes thereafter and strictly comply with the provisions of the Law and the Charter of the company.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2020

Ho Chi Minh City, date....month.....2020

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

AUTHORIZED PERSON
(Sign, full name)

SHAREHOLDER
(Sign, full name, stamp if an enterprise)

Lưu ý:

- Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác, và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên. Nếu người ủy quyền hoặc người nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại Hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng kết thúc.

Cổ đông đánh dấu (X) xác nhận việc tham dự Đại hội vào ô tương ứng, điền đầy đủ thông tin, ký xác nhận và gửi về địa chỉ: Phòng Đầu tư pháp chế - Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng số 470 đường Đồng Văn Cống, khu phố 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh; hoặc Scan gửi qua email: anhdt@saigonnewport.com.vn trước 16^h00 ngày 19/5/2020. Khi tham dự đại hội phải mang theo bản chính (nếu chưa gửi bản chính về công ty).

Note:

- The authorized person must not authorize another person, and must bring ID / Citizen Identification / Passport with him when attending the meeting.
- This authorization is only valid if it is a power of attorney signed by both parties. If the authorizing or the authorized party is an organization, there must be the signature of the legal representative and the stamp of the organization. This authorization will expire when the Annual General Shareholders Meeting 2020 held by Tan Cang Logistics & Stevedoring Joint Stock Company ends.
- Shareholders mark (X) the confirmation of attending the meeting in the corresponding box, fill in the information, sign for confirmation and send to the address: Legal Investment Department - Tan Cang Logistics & Stevedoring Joint Stock Company, 470 Dong Van Cong Street, Quarter 2, Thanh My Loi Ward, District 2, City Ho Chi Minh; or Scan via email: anhdt@saigonnewport.com.vn before 16:00 on 19/5/2020. The participants must bring the original copy (if not yet sent the original copy to the company).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU:

TCL.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **3.168** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: 3.168 cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XÉP DỠ TÂN CẢNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020



250318

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: TCL.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **3.168** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: 3.168 cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến	Tỷ lệ thông qua
Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 02: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019; KHSXKD năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 03: Báo cáo kết quả đầu tư năm 2019; Kế hoạch đầu tư năm 2020; Kế hoạch đầu tư, phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 04: Báo cáo tài chính năm 2019 riêng và hợp nhất đã kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 05: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 06: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 07: Tờ trình việc trả tiền cổ tức và phân phối LN năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 08: Tờ trình về kế hoạch phân phối LN, chia cổ tức năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 09: Tờ trình về chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019; kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 10: Tờ trình chấp thuận phương án trả lương 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 11: Tờ trình chấp thuận phương án điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (Quý 4/2016 và năm 2017)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 12: Tờ trình chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	65%
Nội dung 13: Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	65%
Nội dung 14: Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%
Nội dung 15: Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu TV.HĐQT thay thế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	51%

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không ý kiến
đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 22 tháng 05 năm 2020

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XÉP DỠ TÂN CẢNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020



250319

**PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MÃ ĐẠI BIỂU: TCL.000XXX**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **3.168** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **3.168** cổ phần
Tổng số lượng phiếu bầu: **3.168** phiếu bầu

Tôi đồng ý **Bầu 01** thành viên HĐQT thay thế như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	LÊ HOÀNG LINH	<input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (01 người).
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "**Bầu dồn đều phiếu**" của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "**Số phiếu bầu**" của các ứng viên tương ứng.

Ngày 22 tháng 05 năm 2020

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)

Số: NQ – ĐHĐCĐTN 2020 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2020

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty CP Đại lý GNVT xếp dỡ Tân Cảng,
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/5/2020.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 công ty Cổ phần Đại lý GNVT xếp dỡ Tân Cảng (TCL) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tại Hội trường Cảng Cát Lái, (1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. HCM với sự tham gia của cổ đông trực tiếp và theo ủy quyền. Tổng cộng nắm giữ/30,158,436 cổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ. Đủ điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội thống nhất ra Nghị quyết với các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, cụ thể như sau:

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2019 (một số chỉ tiêu chính):

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	% So với KH năm	% so với Cùng kỳ
SL xếp dỡ container tại bãi	Teus	3,630,000	3,634,200	100.1%	95.7%
SL xếp dỡ bến sà lan 125	Teus	217,500	212,625	97.8%	84.2%
SL dịch vụ thông qua depot	Teus	1,464,900	1,535,563	104.8%	118.5%
SL dịch vụ đóng/rút hàng	Teus	43,000	46,913	109.1%	98.0%
SL dịch vụ tại cảng TCNT	Teus	224,000	206,775	92.31%	134.52%
SL dịch vụ kho tại cảng TCNT	Tấn	110,000	96,050	87.32%	114.56%
SL Hàng rời bến sà lan TCNT	Tấn	95,000	104,897	110.42%	126.57%

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	972,080,599,000	982,959,954,043	101.12%
II. Tổng chi phí	849,996,381,132	859,673,475,936	101.14%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	122,084,217,868	123,286,478,107	100.98%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	101,233,494,094	101,579,137,721	100.34%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3,615	2,770	76.63%
VI. Nộp ngân sách NN (Các loại thuế, phí)	45,363,723,774	52,669,661,716	116.11%

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

1. Kế hoạch sản lượng năm 2020 (một số chỉ tiêu chính):

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	Tỷ lệ (%)
SL xếp dỡ container tại bãi	Teus	3,512,614	3,595,000	102.35%
SL xếp dỡ bến sà lan 125	Teus	212,844	177,150	83.23%
SL dịch vụ thông qua depot	Teus	1,359,253	1,614,800	118.80%
SL dịch vụ đóng/rút hàng	Teus	46,964	42,300	90.07%
SL dịch vụ tại cảng TCNT	Teus	76,393	112,000	146.61%
SL dịch vụ kho tại cảng TCNT	Tấn	82,885	63,500	76.61%
SL Hàng rời bến sà lan TCNT	Tấn	96,290	80,750	83.86%

* Năm 2020 công ty điều chỉnh cách tính sản lượng một số chỉ tiêu sản lượng nhằm phản ánh chính xác hơn tình hình SXKD của công ty.

2. Kế hoạch SXKD năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	982,959,954,043	1,039,150,069,400	105.72%
II. Tổng chi phí	859,673,475,936	915,988,452,000	106.55%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	123,286,478,107	123,161,617,400	99.90%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	101,579,137,721	102,429,423,800	100.84%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2,770	2,796	100.95%
VI. Nộp ngân sách	52,669,661,716	47,745,193,600	90.65%

Điều 3. Thông qua kết quả đầu tư năm 2019; kế hoạch đầu tư năm 2020 và kế hoạch đầu tư, phát triển 5 năm (giai đoạn 2021 – 2025) như sau:

1. Kết quả đầu tư năm 2019

Tổng số tiền đầu tư thực hiện trong năm 2019 : 73,895.57 triệu đồng

Trong đó:

- Đầu tư xây dựng cơ bản: : 28,544.05 triệu đồng
- Mua sắm TBCN: : 27,911.52 triệu đồng
- Đầu tư tài chính (Góp vốn điều lệ): : 17,440.00 triệu đồng

2. Kế hoạch đầu tư năm 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH NĂM 2020
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	87.721,31
A	Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch	70,476.16
1	Di dời kho xăng dầu vùng 2	19,341.16
2	Xây kho hàng kho (khu 15 ha)	51,000.00
3	Đầu tư container văn phòng 40 feet	135.00
B	Khu vực Tân Cảng Mỹ Thủy	2.060,00
1	Lắp đường dây cấp nguồn PTI tại T05-TCMT	1,800.00
2	Đầu tư container văn phòng 40 feet	260.00
C	Xây trụ sở văn phòng	12,000.00
D	Thiết kế, thi công nội thất và MS TTB VP	1,285,15
E	Thiết kế, thi công Hội trường tại tòa nhà TCL	1,900.00
II	MUA SẮM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	11.821,00
1	Mua máy handheld	300.00
2	Bản quyền chương trình QL, phần mềm máy tính	300.00
3	Hệ thống camera các khu vực	300.00
4	Mua 02 cầu Liebherr	10,881.00
5	Mua máy chiếu phòng giao ban	40.00
III	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (GÓP VỐN ĐIỀU LỆ)	-41,120.00
1	Thoái vốn Cty CP ICD Tân cảng Cái Mép	-6,400.00
2	Thoái vốn Cty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	-1,600.00
3	Thoái vốn Cty CP Tân Cảng 128 Hải Phòng	-33,120.00
	TỔNG	58.422,31

Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu ba trăm mười ngàn đồng./.

3. Kế hoạch đầu tư, phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

* Các dự án trọng điểm của Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Dự án đầu tư khai thác Depot container khu vực lân cận Cát Lái từ 15ha đến 20ha.
- Dự án thuê cơ sở hạ tầng và khai thác kho bãi 8,8 ha tại Cát Lái
- Dự án xây dựng khai thác kho hàng tại ICD TCNT (kho số 4,5,6)
- Dự án hợp tác đầu tư, khai thác ICD diện tích khoảng 20ha tại Tp. HCM.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH	522,843	Tỷ lệ
Trong đó: VCSH cần để đầu tư	214,492	41%
Vốn vay	308,351	59%

*Dự kiến Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 -2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	1,107,958	1,296,438	1,486,726	1,564,945	1,641,508
Lợi nhuận trước thuế	128,220	145,511	163,101	166,549	171,237
Lợi nhuận sau thuế	105,282	119,095	133,167	135,906	139,636
Thu nhập BQ của NLD (triệu đồng/tháng)	24.00	25.5	27.00	27.30	28.00
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	25%-35%;				
Vốn điều lệ	350 tỷ đồng.				
Trả cổ tức	18%-25%/năm				

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Hà Nội.

Điều 5. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

Điều 6. Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba công ty kiểm toán sau đây và giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn.

1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Điều 7. Thông qua tờ trình chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2019, cụ thể như sau:

Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2019	123,286,478,107
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	21,707,340,386
Lợi nhuận sau thuế	101,579,137,721
Trích quỹ đầu tư phát triển	10,157,913,772
Trích quỹ khen thưởng	8,761,889,159
Trích quỹ phúc lợi	8,761,889,159
Trích quỹ thưởng BQL điều hành	522.000.000
Thưởng BĐH hoạt động liên doanh	100,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019	73,275,445,631
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tích lũy đến 31/12/2019	367,630,243,073
Chia cổ tức 70% VDL ⁽¹⁾	211,109,052,000
Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	156,521,191,073

Lần 1: Đã chi trả tạm ứng cổ tức 20% VDL bằng tiền mặt ngày 29/04/2020.

Lần 2: Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 20% VDL. Thời gian chốt danh sách cổ đông trong tháng 6/2020; thời gian chi trả cổ tức tháng 07/2020.

Lần 3: Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 30% VDL; thời gian chốt danh sách cổ đông trong tháng 10/2020; thời gian chi trả cổ tức tháng 11/2020.

Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối: 156,521,191,073 đ (Một trăm năm mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi một triệu một trăm chín mươi một ngàn không trăm bảy ba đồng) đề nghị giữ lại để đầu tư những năm tiếp theo.

Điều 8. Thông qua tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020 như sau:

Năm 2020, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước, giảm trừ các khoản liên quan được phân phối theo tỷ lệ:

Trích quỹ đầu tư phát triển:	10%/LNST
Trích quỹ khen thưởng:	12.5%/Quỹ lương
Trích quỹ phúc lợi:	12.5%/Quỹ lương
Lợi nhuận chia cổ tức:	18%/VDL

(Vốn điều lệ kế hoạch 31/12/2020: 301.584.360.000 đồng)

Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển năm sau bổ sung quỹ tái đầu tư.

Chi tiết phân phối như sau (ĐVT: đồng):

Tổng lợi nhuận kế hoạch năm 2020	123,161,620,000
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	20,732,190,000

Lợi nhuận sau thuế	102,429,430,000
Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10,242,943,000
Trích quỹ khen thưởng (12,5% Quỹ lương) ^(*)	8,787,500,000
Trích quỹ phúc lợi (12,5% Quỹ lương) ^(*)	8,787,500,000
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	550,000,000
Trích quỹ thưởng BĐH hoạt động liên doanh	100,000,000
Lợi nhuận chia cổ tức 18% VĐL	54,285,184,800
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19,676,302,200

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2020 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Điều 9. Thông qua tờ trình về chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 như sau:

1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019:

Căn cứ Điều 10.1 Nghị quyết số 240/NQ-ĐHĐCĐTN2019 ngày 19/04/2019, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 8,000,000^d/người/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 6,500,000^d/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 5,000,000^d/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5,000,000^d/người/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2,500,000^d/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả trong năm 2019 là 474,000,000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng chẵn).

Trong đó thù lao chi trả cho quản lý không chuyên trách là 321,000,000đ và 153,000,000đ quỹ lương (mang tính chất thù lao) chi trả cho quản lý chuyên trách.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 như sau:

- Thù lao chi trả cho HĐQT (bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và 03 ủy viên): 354,000,000 đồng/năm.

Trong đó: Chủ tịch HĐQT: 8,000,000^d/tháng; Phó chủ tịch HĐQT: 6,500,000^d/tháng; thành viên HĐQT: 5,000,000^d/tháng

- Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm 01 Trưởng BKS, 02 thành viên BKS): 120,000,000 đồng/năm.

Trong đó: Trưởng ban KS: 5,000,000^d/tháng; thành viên Ban kiểm soát: 2,500,000^d/tháng.

Tổng cộng: 474,000,000 đồng/năm (Bằng chữ: Bốn trăm bảy tư triệu đồng chẵn).

Điều 10. Thông qua tờ trình chấp thuận phương án trả lương của công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng năm 2020 như sau:

1. Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người lao động là 70,300,000,000 đồng (tương ứng với mức doanh thu kế hoạch là 1,039,150,069,400 đồng và lợi nhuận trước thuế kế hoạch 123,161,617,400 đồng).

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý chuyên trách: 4,400,000,000 đồng.

3. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý không chuyên trách: 306,000,000 đồng.

Quỹ lương thực hiện năm 2020 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH.

Điều 11: Thông qua tờ trình về việc chấp thuận phương án điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (Quý 4/2016 và năm 2017)

1. Lợi nhuận sau thuế phân phối đã được ĐHĐCĐ thông qua:

	Năm 2016	Năm 2017
Tổng lợi nhuận thực hiện	113,410,912,906	117,451,731,428
Thuế TNDN hiện hành thuế suất 20%	19,089,202,354	20,839,134,979
Lợi nhuận sau thuế	94,321,710,552	96,612,596,449
Trích quỹ đầu tư phát triển	9,424,171,055	9,651,259,645
Trích quỹ khen thưởng	4,712,085,528	4,825,629,822
Trích quỹ phúc lợi	4,712,085,528	4,825,629,822
Trích quỹ thưởng BQL điều hành	350,000,000	450,000,000
Thưởng BDH hoạt động liên doanh	80,000,000	100,000,000
Thưởng BQL ĐH (phần lợi nhuận ST vượt KH)	410,328,916	
Lợi nhuận chia cổ tức ⁽¹⁾	31,415,839,500	37,699,007,400
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43,217,200,025	39,061,069,760

2. Kế hoạch trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Năm 2016	Năm 2017
Quỹ lương NLĐ	66,860,427,677	66,851,000,000
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích theo sổ sách</i>	<i>9,424,171,056</i>	<i>9,651,259,644</i>
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi trích theo thông tư 28/2016-TT-BLĐTBXH ⁽²⁾</i>	<i>16,715,106,919</i>	<i>16,712,750,000</i>
Chênh lệch quý 4 năm 2016:	1,822,733,966 đồng	
Chênh lệch năm 2017:	7,061,490,356 đồng	

Tổng số tiền: **8,884,224,322** đồng (Tám tỷ tám trăm tám mươi bốn triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi hai đồng.)

Điều 12. Thông qua tờ trình chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyên, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyên, móc cáp, bốc xếp, đóng rút hàng; vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyên; thuê/cho thuê bến, bãi, văn phòng làm việc; hợp tác kinh doanh khai thác bãi container...

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

Điều 13: Thông qua tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ công ty.

Điều 14: Thông qua tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 15: Thông qua tờ trình miễn nhiệm TV. HĐQT đối với Ông Ngô Minh Thuận và bầu TV. HĐQT thay thế.

Điều 16: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Danh sách trúng cử HĐQT	Số phiếu bầu	Tỷ lệ

Điều 17: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 22/5/2020.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**

Ngô Minh Thuận